**BẢNG GIẢI TRÌNH**

**Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ, đường sắt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung Nghị định số 46/2016/NĐ-CP** | **Nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2016/NĐ-CP** | **Giải trình nội dung được sửa đổi, bổ sung** |
| *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*  *Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*  *Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.* | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*  *Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*  ***Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;***  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.* | Sửa lại căn cứ theo Luật Đường sắt 2017 |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | Giữ nguyên |
| 1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. | 1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. |  |
| 2. Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước khác liên quan đến lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đó để xử phạt. | 2. Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước khác liên quan đến lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đó để xử phạt. |  |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |  |
| 1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | 1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  ***a) Cá nhân gồm người tham gia giao thông; chủ phương tiện tham gia giao thông; người có hoạt động liên quan đến đường sắt.***  ***b) Tổ chức gồm các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư; Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; các tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và các đơn vị kinh doanh trực thuộc của các tổ chức kinh tế nói trên có hoạt động liên quan đến đường sắt.*** | Bổ sung điểm a, điểm b để phù hợp với khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2017 *“3. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải được quy định cụ thể tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.”*  Mặt khác, quy định này cũng tương đồng với nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng  (trao đổi thống nhất với TCĐB VN) |
| 2. Người có thẩm quyền xử phạt. | 2. Người có thẩm quyền xử phạt. | Giữ nguyên |
| 3. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan. | 3. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan. | Giữ nguyên |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |  |  |
| Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |  |  |
| 1. Lĩnh vực giao thông đường bộ: |  |  |
| 2. Lĩnh vực giao thông đường sắt:  a) Dốc gù là hệ thống thiết bị phục vụ công tác dồn tàu mà khi đầu máy đẩy đoàn toa xe đến đỉnh dốc, sẽ tiến hành tác nghiệp cắt nối toa xe để các toa xe lợi dụng thế năng của đỉnh dốc tự chạy vào các đường trong bãi dồn; | 2. Lĩnh vực giao thông đường sắt:  a) Dốc gù là hệ thống thiết bị phục vụ công tác dồn tàu mà khi đầu máy đẩy đoàn toa xe đến đỉnh dốc, sẽ tiến hành tác nghiệp cắt nối toa xe để các toa xe lợi dụng thế năng của đỉnh dốc tự chạy vào các đường trong bãi dồn; | Giữ nguyên |
| b) Dồn phóng là phương pháp lợi dụng động năng của đoàn dồn để phóng toa xe hoặc cụm toa xe vào các đường trong bãi dồn; | b) Dồn phóng là phương pháp lợi dụng động năng của đoàn dồn để phóng toa xe hoặc cụm toa xe vào các đường trong bãi dồn; |  |
| c) Thả trôi là phương pháp lợi dụng thế năng của đường dồn tàu để thả cho toa xe hoặc cụm toa xe tự chạy vào các đường trong bãi dồn; | c) Thả trôi là phương pháp lợi dụng thế năng của đường dồn tàu để thả cho toa xe hoặc cụm toa xe tự chạy vào các đường trong bãi dồn; |  |
| d) Cắt hớt là phương pháp cắt cụm toa xe khi đoàn dồn đang dịch chuyển; | d) Cắt hớt là phương pháp cắt cụm toa xe khi đoàn dồn đang dịch chuyển; |  |
| đ) Chế độ hô đáp là quy định bắt buộc mà người được quy định hô các mệnh lệnh, thực hiện các biểu thị và người chấp hành các mệnh lệnh, biểu thị phải đáp lại đúng nội dung đã nhận được; | đ) Chế độ hô đáp là quy định bắt buộc mà người được quy định hô các mệnh lệnh, thực hiện các biểu thị và người chấp hành các mệnh lệnh, biểu thị phải đáp lại đúng nội dung đã nhận được; |  |
| e) Cấp cảnh báo là thông báo bằng văn bản cho các nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu liên quan về tình trạng bất bình thường của kết cấu hạ tầng đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt và các trường hợp cần thiết khác, kèm theo các biện pháp thực hiện nhằm bảo đảm an toàn chạy tàu; | e) Cấp cảnh báo là thông báo bằng văn bản cho các nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu liên quan về tình trạng bất bình thường của kết cấu hạ tầng đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt và các trường hợp cần thiết khác, kèm theo các biện pháp thực hiện nhằm bảo đảm an toàn chạy tàu; |  |
| g) Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt là khoảng không gian dọc theo đường sắt đủ để tàu chạy qua không bị va quệt; | g) Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt là khoảng không gian dọc theo đường sắt đủ để tàu chạy qua không bị va quệt; |  |
| h) Phạm vi đường ngang là đoạn đường bộ đi qua đường sắt nằm giữa hai cần chắn, giàn chắn (bao gồm cả cần chắn, giàn chắn) hoặc nằm giữa hai ray chính ngoài cùng và hai bên đường sắt cách má ray ngoài cùng trở ra 06 m nơi không có chắn; | ~~h) Phạm vi đường ngang là đoạn đường bộ đi qua đường sắt nằm giữa hai cần chắn, giàn chắn (bao gồm cả cần chắn, giàn chắn) hoặc nằm giữa hai ray chính ngoài cùng và hai bên đường sắt cách má ray ngoài cùng trở ra 06 m nơi không có chắn;~~ | Đề nghị bỏ:  Nội dung này được quy định tại Điều 4 Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt |
| i) Phạm vi cầu chung là phạm vi giữa hai cần chắn, giàn chắn (bao gồm cả cần chắn, giàn chắn) hoặc phạm vi từ mép trong của mố (giáp đầu dầm) hai đầu cầu trở ra mỗi bên 10 m ở nơi không có cần chắn, giàn chắn. | ~~i) Phạm vi cầu chung là phạm vi giữa hai cần chắn, giàn chắn (bao gồm cả cần chắn, giàn chắn) hoặc phạm vi từ mép trong của mố (giáp đầu dầm) hai đầu cầu trở ra mỗi bên 10 m ở nơi không có cần chắn, giàn chắn.~~ | Đề nghị bỏ:  Nội dung này được quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 11/2018/TT-BGTVT quy định về cầu chung, giao thông trên khu vực cầu chung |
| **Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng** | **Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng** | Giữ nguyên |
| 1. Các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt bao gồm: | 1. Các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt bao gồm: |  |
| a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; | a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; |  |
| b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; | b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; |  |
| c) Buộc thực hiện biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; | c) Buộc thực hiện biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; |  |
| d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất phương tiện; | d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất phương tiện; |  |
| đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính; | đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính; |  |
| e) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác được quy định tại Chương II và Chương III của Nghị định này. | e) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác được quy định tại Chương II và Chương III của Nghị định này. |  |
| 2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. | 2. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. |  |
| **Chương II**  **HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ**  **BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  **TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ** | **Chương II**  **HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ**  **BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  **TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ** |  |
| **Chương III**  **HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP**  **KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** | **Chương III**  **HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP**  **KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** |  |
| **Mục 1**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÍN HIỆU,**  **QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ,**  **AN TOÀNGIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** | **Mục 1**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÍN HIỆU,**  **QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ,**  **AN TOÀNGIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** |  |
| **Điều 39. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về lắp đặt hệ thống báo hiệu, thiết bị tại đường ngang** | **Điều 39. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về lắp đặt hệ thống ~~báo hiệu, thiết bị tại~~*phòng vệ*đường ngang, *hệ thống báo hiệu, tín hiệu trên đường sắt trong khu vực cầu chung*** | 1. Đề xuất thay cụm từ “báo hiệu, thiết bị” bằng cụm từ “phòng vệ”.  Lý do: Cho phù hợp khoản 10 Điều 3, Điều 14, Mục II Chương II Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018.  2. Đề nghị bổ sung hệ thống báo hiệu, tín hiệu trên đường sắt trong khu vực cầu chung  Lý do: Cho phù hợp Mục 2 Chương II Thông tư số 11/2018/TT-BGTVT ngày 28/3/2018. |
| 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đường bộ không lắp đặt, lắp đặt không đúng, không đủ, không duy trì hệ thống báo hiệu, thiết bị tại đường ngang theo quy định. | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đường bộ không lắp đặt, lắp đặt không đúng, không đủ, không duy trì ***hoạt động bình thường***hệ thống ~~báo hiệu, thiết bị tại~~***phòng vệ***đường ngang, ***hệ thống báo hiệu, tín hiệu trên đường sắt trong khu vực cầu chung*** theo quy định. |  |
| 2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đường bộ thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải lắp đặt đầy đủ hệ thống báo hiệu, thiết bị theo quy định. | 2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đường bộ thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải lắp đặt ~~đầy~~ ***đúng,***đủ***và duy trì hoạt động bình thường của*** hệ thống ~~báo hiệu, thiết bị~~***phòng vệđường ngang, hệ thống báo hiệu, tín hiệu trên đường sắt trong khu vực cầu chung***theo quy định. |  |
|  | ***Điều 39a. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kết nối tín hiệu đèn giao thông đường bộ với tín hiệu đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang, cung cấp thông tin hỗ trợ cảnh giới tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt*** | Bổ sung điều này để phù hợp với quy định tại Thông tư 28/2018/TT-BGTVT (Điều 3, Điều 6, Điều 7) |
|  | ***1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đối với cá nhân từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi không cung cấp, tiếp nhận thông tin cảnh giới để thực hiện nhiệm vụ tại vị trí cảnh giới.*** |  |
|  | ***2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*** |  |
|  | ***a) Không kết nối tín hiệu tại vị trí đủ điều kiện kết nối;*** |  |
|  | ***b) Không lập hồ sơ quản lý kết nối tín hiệu;*** |  |
|  | ***c) Không kịp thời phát hiện sự cố hư hỏng, bảo trì đèn tín hiệu theo đúng quy định và thông báo với cơ quan chức năng điều hành giao thông.*** |  |
| **Điều 40. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về khám, sửa chữa toa xe, lập tàu, thử hãm** | **Điều 40. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về khám, sửa chữa toa xe, lập tàu, thử hãm** |  |
| 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với nhân viên khám xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với nhân viên khám xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Không thực hiện việc khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến hoặc thực hiện khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến không đúng, không đủ nội dung theo quy định; | a) Không thực hiện việc khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến hoặc thực hiện khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến không đúng, không đủ nội dung theo quy định; | Giữ nguyên |
| b) Tiến hành sửa chữa toa xe trên đường sắt trong ga khi chưa có tín hiệu phòng vệ theo quy định; | b) Tiến hành sửa chữa toa xe trên đường sắt trong ga khi chưa ***thực hiện biện pháp*** ~~có tín hiệu~~ phòng vệ theo quy định; | Đề xuất thay cụm từ "***có tín hiệu”*** bằng ***cụm từ "thực hiện biện pháp”*** chưa thực hiện biện pháp phòng vệ cho phù hợp với Mục 3.4.5.5, 3.4.5.6 QCVN 06:2018/BGTVT. |
| c) Để toa xe không đủ tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật nối vào đoàn tàu; | c) Để toa xe không đủ tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật nối vào đoàn tàu; | Giữ nguyên |
| d) Không phát hiện hoặc không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của toa xe gây chậm tàu. | d) Không phát hiện hoặc không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của toa xe gây chậm tàu. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi lập tàu không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. | 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với ***nhân viên điều độ chạy tàu ga***, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi lập tàu không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. | Đề xuất sửa đổi, bổ sung chức danh “nhân viên điều độ chạy tàu” thành “nhân viên điều độ chạy tàu ga” tránh nhầm lẫn đối với “nhân viên điều độ chạy tàu tuyến” và phù hợp với khoản 1 Điều 35 Luật Đường sắt 2017 và khoản 2.3.3.5.1.2 QCVN 08:2018/BGTVT. |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu, trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với ***nhân viên điều độ chạy tàu ga***, trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Lập tàu có ghép nối toa xe không đủ tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật; | a) Lập tàu có ghép nối toa xe không đủ tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật; | Giữ nguyên |
| b) Lập tàu có ghép nối toa xe vận tải động vật, hàng hóa có mùi hôi thối, chất dễ cháy, dễ nổ, độc hại, hàng nguy hiểm khác vào tàu khách. | b) Lập tàu có ghép nối toa xe vận tải động vật, hàng hóa có mùi hôi thối, chất dễ cháy, dễ nổ, độc hại, hàng nguy hiểm khác vào tàu khách; | Giữ nguyên |
|  | ***c) Ghép nối toa xe hàng vào tàu khách liên vận quốc tế, các tàu đặc biệt và tàu khách chạy suốt.*** | Đề xuất bổ sung phù hợp với Mục 2.3.3.7 QCVN 08:2018/BGTVT |
| 4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, trưởng tàu, lái tàu, nhân viên khám xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, trưởng tàu, lái tàu, nhân viên khám xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Cho tàu chạy từ ga lập tàu hoặc các ga có quy định về thử hãm đoàn tàu mà không đủ áp lực hãm theo quy định; | a) Cho tàu chạy từ ga lập tàu hoặc các ga, ***khu gian*** có quy định về thử hãm đoàn tàu mà không đủ áp lực hãm theo quy định; | Bổ sung nội dung trên để phù hợp với mục 2.3.3.10.6 QCVN 08:2018/BGTVT quy định về hãm gió ép của đoàn tàu |
| b) Cho tàu chạy mà không thử hãm theo quy định. | b) Cho tàu chạy mà không thử hãm theo quy định. |  |
| 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải tổ chức thử hãm theo quy định. | 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải tổ chức thử hãm theo quy định. | Giữ nguyên |
| **Điều 41. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về dồn tàu** | **Điều 41. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về dồn tàu** | Giữ nguyên |
| 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển máy dồn, trưởng dồn, nhân viên ghép nối đầu máy, toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển máy dồn, trưởng dồn, nhân viên ghép nối đầu máy, toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Cho đầu máy dịch chuyển khi chưa nhận được kế hoạch dồn hoặc tín hiệu của người chỉ huy dồn cho phép; | a) Cho đầu máy dịch chuyển khi chưa nhận được kế hoạch dồn hoặc tín hiệu của người chỉ huy dồn cho phép; |  |
| b) Vượt quá tốc độ dồn cho phép; | b) Vượt quá tốc độ dồn cho phép; |  |
| c) Dồn phóng, thả trôi từ dốc gù toa xe có ghi “cấm phóng”, toa xe khác theo quy định không được dồn phóng hoặc tại ga có quy định cấm dồn phóng; | c) Dồn phóng, thả trôi từ dốc gù toa xe có ghi “cấm phóng”, toa xe khác theo quy định không được dồn phóng hoặc tại ga có quy định cấm dồn phóng; |  |
| d) Dồn phóng vào đường có toa xe đang tác nghiệp kỹ thuật, đang sửa chữa, đang xếp, dỡ hàng; dồn phóng vào đường nhánh trong khu gian, vào đường chưa được chiếu sáng đầy đủ hoặc khi có sương mù, mưa to, gió lớn; | d) Dồn phóng vào đường có toa xe đang tác nghiệp kỹ thuật, đang sửa chữa, đang xếp, dỡ hàng; dồn phóng vào đường nhánh trong khu gian, vào đường chưa được chiếu sáng đầy đủ hoặc khi có sương mù, mưa to, gió lớn; |  |
| đ) Để toa xe ngoài mốc tránh va chạm sau mỗi cú dồn, trừ các trường hợp đặc biệt theo quy định; | đ) Để toa xe ngoài mốc tránh va chạm sau mỗi cú dồn, trừ các trường hợp đặc biệt theo quy định; |  |
| e) Để đầu máy, toa xe đỗ trên đường an toàn, đường lánh nạn khi không có lệnh của người có thẩm quyền; | e) Để đầu máy, toa xe đỗ trên đường an toàn, đường lánh nạn khi không có lệnh của người có thẩm quyền; |  |
| g) Đặt chèn trên đường sắt tại các vị trí cấm đặt chèn; | g) Đặt chèn trên đường sắt tại các vị trí cấm đặt chèn; |  |
| h) Tiến hành dồn khi các toa xe trong đoàn dồn chưa treo hàm nối ống mềm vào chỗ quy định; | h) Tiến hành dồn khi các toa xe trong đoàn dồn chưa treo hàm nối ống mềm vào chỗ quy định; |  |
| i) Để toa xe chưa dồn trên đường ga, đường nhánh trong khu gian, đường dùng riêng mà không nối liền với nhau, không siết chặt hãm tay ở hai đầu đoàn xe, không chèn chắc chắn. | i) Để toa xe chưa dồn trên đường ga, đường nhánh trong khu gian, đường dùng riêng mà không nối liền với nhau, không siết chặt hãm tay ở hai đầu đoàn xe, không chèn chắc chắn. |  |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng dồn thực hiện hành vi dồn tàu ra khỏi giới hạn ga khi chưa có chứng vật chạy tàu cho đoàn dồn chiếm dụng khu gian. | 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng dồn thực hiện hành vi dồn tàu ra khỏi giới hạn ga khi chưa có chứng vật chạy tàu cho đoàn dồn chiếm dụng khu gian. |  |
| **Điều 42. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chạy tàu** | **Điều 42. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chạy tàu** |  |
| 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi không ký xác nhận trong tồn căn cảnh báo. | 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi không ký xác nhận ***Giấy Cảnh báo*** ~~trong tồn căn cảnh báo.~~ | Đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Mẫu số 13 Phụ lục E QCVN 08:2018/BGTVT |
| 2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, trực ban chạy tàu ga, nhân viên khám xe phụ trách thử hãm thực hiện hành vi không ký xác nhận vào Giấy xác nhận tác dụng hãm theo quy định. | 2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu ***hoặc phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn***, trực ban chạy tàu ga, nhân viên khám xe ~~phụ trách thử hãm~~, ***nhân viên áp tải kỹ thuật theo tàu*** thực hiện hành vi ***không ghi đầy đủ các nội dung hoặc*** không ký xác nhận vào Giấy xác nhận tác dụng hãm theo quy định ***mà cho tàu chạy***. | Đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Mẫu số 1 Phụ lục E QCVN 08:2018/BGTVT |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Điều khiển tàu chạy lùi khi sương mù, mưa to, gió lớn mà không xác nhận được tín hiệu; | a) Điều khiển tàu chạy lùi khi sương mù, mưa to, gió lớn mà không xác nhận được tín hiệu; |  |
| b) Điều khiển tàu chạy lùi khi thông tin bị gián đoạn mà phía sau tàu đó có tàu chạy cùng chiều; | b) Điều khiển tàu chạy lùi khi thông tin bị gián đoạn mà phía sau tàu đó có tàu chạy cùng chiều; |  |
| c) Điều khiển tàu chạy lùi trong khu gian đóng đường tự động khi chưa có lệnh; | c) Điều khiển tàu chạy lùi trong khu gian đóng đường tự động khi chưa có lệnh; |  |
| d) Điều khiển tàu chạy tiến hoặc lùi trong trường hợp đã xin cứu viện mà chưa được phép bằng mệnh lệnh; | d) Điều khiển tàu chạy tiến hoặc lùi trong trường hợp đã xin cứu viện mà chưa được phép bằng mệnh lệnh; |  |
| đ) Điều khiển tàu chạy lùi trong trường hợp tàu có đầu máy đẩy vào khu gian rồi trở về. | đ) Điều khiển tàu chạy lùi trong trường hợp tàu có đầu máy đẩy vào khu gian rồi trở về. |  |
| 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu thực hiện hành vi cho tàu chạy vào khu gian mà chưa có chứng vật chạy tàu. | 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu thực hiện hành vi cho tàu chạy vào khu gian mà chưa có chứng vật chạy tàu. | Giữ nguyên |
|  | ***5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức để người không có phận sự quay ghi thay gác ghi, thực hiện nhiệm vụ của trực ban chạy tàu ga.*** | Đề xuất bổ sung để phù hợp mục 2.3.3.3.7 và mục 2.3.3.3.8 QCVN 08: 2018/BGTVT |
| 5. Ngoài việc bị phạt tiền, người lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng. | 5. Ngoài việc bị phạt tiền, người lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng. | Giữ nguyên |
| **Điều 43. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đón, gửi tàu** | **Điều 43. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đón, gửi tàu** |  |
| 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Trực ban chạy tàu ga, gác ghi, gác chắn đường ngang, gác cầu chung, tuần cầu, tuần đường không đón, tiễn tàu hoặc tác nghiệp đón, tiễn tàu không đúng quy định; | a) Trực ban chạy tàu ga, gác ghi, gác ~~chắn~~ đường ngang, gác cầu chung, ***gác hầm***, tuần cầu, tuần đường, ***tuần hầm*** không đón, tiễn tàu hoặc tác nghiệp đón, tiễn tàu không đúng quy định; | Đề xuất sửa đổi chức danh nhân viên đường sắt “gác chắn đường ngang” bằng “gác đường ngang” và bổ sung chức danh gác hầm, tuần hầm. Lý do: cho đầy đủ và phù hợp với khoản 1, Điều 35 Luật Đường sắt 2017. |
| b) Trực ban chạy tàu ga không ghi chép đầy đủ các mẫu điện tín; | b) Trực ban chạy tàu ga không ghi chép đầy đủ các mẫu điện tín; | Giữ nguyên |
| c) Trực ban chạy tàu ga, gác chắn đường ngang, gác cầu chungkhông ghi chép đầy đủ thông tin về giờ tàu chạy qua ga, chắn, cầu chung theo quy định. | c) Trực ban chạy tàu ga, gác ~~chắn~~ đường ngang, gác cầu chung không ghi chép đầy đủ thông tin về giờ tàu chạy qua ga, chắn, cầu chung theo quy định. | Đề xuất sửa đổi, bổ sung chức danh nhân viên đường sắt “gác chắn đường ngang” bằng “gác đường ngang” Lý do: cho đầy đủ và phù hợp với khoản 1, Điều 35 Luật Đường sắt 2017 |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga để tàu đỗ trước cột tín hiệu vào ga khi không có lý do chính đáng. | 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga để tàu đỗ trước cột tín hiệu vào ga khi không có lý do chính đáng. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với nhân viên gác chắn đường ngang, cầu chung không đóng chắn hoặc đóng chắn không đúng thời gian quy định. | 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với nhân viên gác ~~chắn~~ đường ngang, cầu chung không đóng chắn hoặc đóng chắn không đúng thời gian quy định. | Đề xuất sửa đổi, bổ sung chức danh nhân viên đường sắt “gác chắn đường ngang” bằng “gác đường ngang” Lý do: cho đầy đủ và phù hợp với khoản 1, Điều 35 Luật Đường sắt 2017 |
| 4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Tổ chức đón tàu vào đường không thanh thoát mà không áp dụng các biện pháp an toàn theo quy định; | a) Tổ chức đón tàu vào đường không thanh thoát mà không áp dụng các biện pháp an toàn theo quy định; | Giữ nguyên |
| b) Đón, gửi nhầm tàu; | b) Đón, gửi nhầm tàu; | Giữ nguyên |
| c) Đón, gửi tàu mà không thu chìa khóa ghi hoặc không áp dụng các biện pháp khống chế ghi; | c) Đón, gửi tàu mà không thu chìa khóa ghi hoặc không áp dụng các biện pháp khống chế ghi; | Giữ nguyên |
| d) Cho tàu chạy vào khu gian mà không thông báo cho gác chắn đường ngang theo quy định. | d) Cho tàu chạy vào khu gian mà không thông báo cho gác ~~chắn~~ đường ngang theo quy định. | Đề xuất sửa đổi, bổ sung chức danh nhân viên đường sắt “gác chắn đường ngang” bằng “gác đường ngang” Lý do: cho đầy đủ và phù hợp với khoản 1, Điều 35 Luật Đường sắt 2017 |
| **Điều 44. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chấp hành tín hiệu giao thông đường sắt** | **Điều 44. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chấp hành tín hiệu giao thông đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng dồn, nhân viên ghép nối đầu máy toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng dồn, nhân viên ghép nối đầu máy toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Đã xác nhận được các tín hiệu dồn nhưng không kéo còi làm tín hiệu hô đáp; | a) Đã xác nhận được các tín hiệu dồn nhưng không kéo còi làm tín hiệu hô đáp; |  |
| b) Khi dồn tàu không thực hiện đúng các tín hiệu dồn theo quy định. | b) Khi dồn tàu không thực hiện đúng các tín hiệu dồn theo quy định. |  |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy khi chưa nhận được tín hiệu an toàn của trực ban chạy tàu ga hoặc người làm tín hiệu truyền; | a) Lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy khi chưa nhận được tín hiệu an toàn của trực ban chạy tàu ga hoặc người làm tín hiệu truyền; | Giữ nguyên |
| b) Lái tàu điều khiển tàu chạy vượt qua tín hiệu vào ga, ra ga đang ở trạng thái đóng khi chưa được phép của người chỉ huy chạy tàu ở ga; | b) Lái tàu điều khiển tàu chạy vượt qua tín hiệu vào ga, ra ga, ***vào bãi, ra bãi; tín hiệu đèn màu thông qua (khu gian đóng đường tự động), tín hiệu đèn màu dồn*** đang ở trạng thái ***biểu thị ngừng*** khi chưa được phép của người chỉ huy chạy tàu ở ga; | Đề xuất sửa đổi bổ sung để phù hợp với Mục 2.3.3.2.3-QCVN 08:2018/BGTVT. |
| c) Lái tàu không dừng tàu khi tàu đã đè lên pháo phòng vệ và pháo phòng vệ đã nổ bình thường; | c) Lái tàu không dừng tàu khi tàu đã đè lên pháo phòng vệ và pháo phòng vệ đã nổ bình thường; | Giữ nguyên |
| d) Lái tàu tiếp tục cho tàu chạy khi đã nhận được tín hiệu ngừng tàu. | d) Lái tàu tiếp tục cho tàu chạy khi đã nhận được tín hiệu ngừng tàu. | Giữ nguyên |
|  | ***đ) Nhân viên gác đường ngang, cầu chung không điều hành giao thông khi đèn tín hiệu không hoạt động hoặc báo hiệu sai quy định hoặc chắn đường bộ bị hỏng.*** | Đề xuất bổ sung hành vi này cho phù hợp với khoản 4 Điều 39 Luật Đường sắt |
| 3. Ngoài việc bị phạt tiền, người lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng. | 3. Ngoài việc bị phạt tiền, người lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng. | Giữ nguyên |
| **Điều 45. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều độ chạy tàu** | **Điều 45. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều độ chạy tàu** | Giữ nguyên |
| 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu không kiểm tra các ga về việc thi hành biểu đồ chạy tàu và kế hoạch lập tàu. | 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu không kiểm tra các ga về việc thi hành biểu đồ chạy tàu và kế hoạch lập tàu. |  |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Phát mệnh lệnh liên quan đến chạy tàu không đúng thẩm quyền; | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Phát mệnh lệnh liên quan đến chạy tàu không đúng thẩm quyền; |  |
| b) Không phát lệnh cho trực ban chạy tàu ga cấp cảnh báo kịp thời cho lái tàu; | b) Không phát lệnh cho trực ban chạy tàu ga cấp cảnh báo kịp thời cho lái tàu; |  |
| c) Không phát lệnh phong tỏa khu gian theo quy định để: Tổ chức thi công, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt; tổ chức chạy tàu cứu viện, tàu công trình vào khu gian cần phải phong tỏa; | c) Không phát lệnh phong tỏa khu gian theo quy định để: Tổ chức thi công, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt; tổ chức chạy tàu cứu viện, tàu công trình vào khu gian cần phải phong tỏa; |  |
| d) Không kịp thời phát các mệnh lệnh thuộc thẩm quyền quy định gây chậm tàu, ách tắc giao thông. | d) Không kịp thời phát các mệnh lệnh thuộc thẩm quyền quy định gây chậm tàu, ách tắc giao thông. |  |
| **Điều 46. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm** | **Điều 46. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm** |  |
| 1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ ***100.000 đồng đến 200.000*** đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Đề xuất tăng mức xử phạt vì các hành vi trên diễn ra phổ biến và để bảo đảm tính răn đe. |
| a) Người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển hoặc đã đóng; vượt qua đường ngang khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung, hầm khi đi qua đường ngang, cầu chung, hầm; | a) Người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển hoặc đã đóng; vượt qua đường ngang khi đèn đỏ đã bật sáng; ***tự ý mở chắn đường ngang;*** không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung, hầm, khi đi qua đường ngang, cầu chung, hầm; | Đề nghị bổ sung thêm hành vi " ***tự ý mở chắn đường ngang”*** vì đây là hành vi đã xuất hiện nhiều trong thực tiễn. Nội dung này được quy định tại khoản 4 Điều 31 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018. |
| b) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung. | b) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | 2. Phạt tiền từ ***200.000 đồng đến 300.000 đồng*** đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | Đề xuất tăng mức xử phạt vì các hành vi trên diễn ra phổ biến và để bảo đảm tính răn đe |
| 3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung. | 3. Phạt tiền từ ***300.000 đồng đến 400.000 đồng*** đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung. | Đề xuất tăng mức xử phạt vì các hành vi trên diễn ra phổ biến và để bảo đảm tính răn đe |
| 4. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | 4. Phạt tiền từ ***400.000 đồng đến 500.000 đồng*** đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | Đề xuất tăng mức xử phạt vì các hành vi trên diễn ra phổ biến và để bảo đảm tính răn đe |
| 5. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 5. Phạt tiền từ ***500.000 đồng đến 600.000 đồng*** đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Đề xuất tăng mức xử phạt vì các hành vi trên diễn ra phổ biến và để bảo đảm tính răn đe |
| a) Dừng xe, đỗ xe quay đầu xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung; | a) Dừng xe, đỗ xe quay đầu xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung; | Giữ nguyên |
| b) Vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | b) Vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | Giữ nguyên |
| 6. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung. | 6. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trong phạm vi đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung. | Giữ nguyên |
| 7. Phạt tiền từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | 7. Phạt tiền từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. | Giữ nguyên |
| 8. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vi phạm một trong các hành vi sau đây: | 8. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vi phạm một trong các hành vi sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ làm hỏng cần chắn, giàn chắn, các thiết bị khác tại đường ngang; | a) Điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ làm hỏng cần chắn, giàn chắn, các thiết bị khác tại đường ngang**, cầu chung**; | Đề nghị bổ sung **cầu chung** cho đầy đủ |
| b) Điều khiển xe bánh xích, xe lu bánh sắt, các phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, quá khổ giới hạn đi qua đường ngang mà không thông báo cho tổ chức quản lý đường ngang, không thực hiện đúng các biện pháp bảo đảm an toàn. | b) Điều khiển xe bánh xích, xe lu bánh sắt, các phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, quá khổ giới hạn đi qua đường ngang mà không thông báo cho tổ chức quản lý đường ngang, không thực hiện đúng các biện pháp bảo đảm an toàn. | Giữ nguyên |
|  | ***c) Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ có tải trọng trục hoặc tải trọng toàn bộ vượt quá tải trọng cho phép của cầu chung.*** | Đề nghị bổ sung trường hợp phương tiện giao thông đường bộ có tải trọng trục hoặc tải trọng toàn bộ vượt quá tải trọng cho phép của cầu chung. |
| 9. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4, Điểm b Khoản 5, Khoản 7 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng. | 9. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4, Điểm b Khoản 5, Khoản 7 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng. | Giữ nguyên |
| 10. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 8 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. | 10. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại ***điểm a*** Khoản 8 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. | Đề nghị sửa cho đúng |
| **Điều 47. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, khắc phục và giải quyết sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt** | **Điều 47. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về phòng ~~ngừa~~, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão; *ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn trong hoạt động đường sắt*và giải quyết sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông.** |  |
| 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân biết tai nạn giao thông xảy ra trên đường sắt mà không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho nhà ga, đơn vị đường sắt, chính quyền địa phương hoặc cơ quan công an nơi gần nhất. | 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân biết tai nạn giao thông xảy ra trên đường sắt mà không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho nhà ga, đơn vị đường sắt, chính quyền địa phương hoặc cơ quan công an nơi gần nhất. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm mà không phát hiện kịp thời sự cố, chướng ngại vật trên đường sắt có ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc đã phát hiện mà không thông báo kịp thời, không phòng vệ hoặc phòng vệ không đúng quy định. | 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm mà không phát hiện kịp thời sự cố, chướng ngại vật trên đường sắt có ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc đã phát hiện mà không thông báo kịp thời, không phòng vệ hoặc phòng vệ không đúng quy định. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ tai nạn ban đầu; không thực hiện thông tin, báo cáo kịp thời về tai nạn giao thông đường sắt cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định. | 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ tai nạn ban đầu; không thực hiện thông tin, báo cáo kịp thời về tai nạn giao thông đường sắt cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định. | Giữ nguyên |
| 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đủ các tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn giao thông đường sắt; | a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đủ các tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn giao thông đường sắt; |  |
| b) Không thực hiện nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn; | b) Không thực hiện nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn; |  |
| c) Khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt không đến ngay hiện trường để giải quyết; | c) Khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt không đến ngay hiện trường để giải quyết; |  |
| d) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình đường sắt bị hư hỏng; | d) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình đường sắt bị hư hỏng; |  |
| đ) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố làm ảnh hưởng đến việc chạy tàu; | đ) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố làm ảnh hưởng đến việc chạy tàu; |  |
| e) Gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. | e) Gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. |  |
| 5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Thay đổi, xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt; | 5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Thay đổi, xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt; | Giữ nguyên |
| b) Lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt; | b) Lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt; |  |
| c) Gây tai nạn giao thông đường sắt mà không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền; | c) Gây tai nạn giao thông đường sắt mà không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền; |  |
| d) Không phối hợp, không chấp hành mệnh lệnh của người, cơ quan có thẩm quyền trong việc khắc phục hậu quả, khôi phục giao thông đường sắt. | d) Không phối hợp, không chấp hành mệnh lệnh của người, cơ quan có thẩm quyền trong việc khắc phục hậu quả, khôi phục giao thông đường sắt. |  |
| 6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Không tổ chức phòng, chống và khắc phục kịp thời hậu quả do sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt để bảo đảm giao thông đường sắt an toàn, thông suốt; | a) Không ***xây dựng, thực hiện phương án*** ~~tổ chức~~ phòng, chống và khắc phục kịp thời hậu quả do sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt để bảo đảm giao thông đường sắt an toàn, thông suốt; | Đề xuất bổ sung cho phù hợp với khoản 1 Điều 25 Luật Đường sắt. |
| b) Không tuân thủ sự chỉ đạo, điều phối lực lượng của tổ chức phòng, chống sự cố, thiên tai, xử lý tai nạn giao thông đường sắt; | b) Không tuân thủ sự chỉ đạo, điều phối lực lượng của tổ chức phòng, chống sự cố, thiên tai, xử lý tai nạn giao thông đường sắt; |  |
| c) Không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt; | c) Không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt; |  |
| d) Không đình chỉ chạy tàu khi thấy kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ gây mất an toàn chạy tàu. | d) Không đình chỉ chạy tàu khi thấy kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ gây mất an toàn chạy tàu. |  |
| **Điều 48. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt** | **Điều 48. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Đi, đứng, nằm, ngồi trong cầu, hầm dành riêng cho đường sắt trừ người đang làm nhiệm vụ; | a) Đi, đứng, nằm, ngồi trong cầu, hầm dành riêng cho đường sắt, ***trên đường sắt*** trừ người đang làm nhiệm vụ; | Đề xuất bổ sung trên đường sắt phù hợp với khoản 10 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
| b) Vượt tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; | b) Vượt tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; |  |
|  | ***c) Điều khiển xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơmi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; vượt qua đường sắt tại các lối đi tự mở;*** | Đề xuất bổ sung hành vi "điều khiển phương tiện giao thông qua các lối đi tự mở”. Lý do:  1. Hiện nay tổng số điểm giao cắt hiện có là 5.639 vị trí giao cắt cùng mức giữa đường bộ và đường sắt, trong đó:  - Đường ngang: 1.515 vị trí, chiếm tỉ lệ 26,8 % tổng số giao cắt (ĐN có người gác 647; ĐN phòng vệ CBTĐ: 41, ĐN phòng vệ CBTĐ có lắp đặt CCTĐ 339; ĐN phòng vệ biển báo: 488);  - Lối đi tự mở (LĐTM): 4.122 vị trí, chiếm tỉ lệ 73,2 % tổng số giao cắt.  2. Qua thống kê theo dõi TNGTĐS từ 2005 -2017 cho thấy TNGTĐS (số vụ, số người chết, số người bị thương cao nhất vào các năm 2009 và 2011) từ năm 2015 đến nay giảm dần với tỉ lệ từ 5 - 10% nhưng không ổn định, vẫn còn xảy ra các vụ tai nạn nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.  Và qua tổng hợp, theo dõi của Tổng công ty ĐSVN từ năm 2013 đến 2017 đã xảy ra 1.913 vụ, làm chết 879 người, bị thương 1.174 người, vị trí xảy ra tai nạn:  - Tại đường ngang hợp pháp: 289 vụ, chiếm 15,1 %;  - Tai nạn do vi phạm khổ giới hạn đường sắt: 814 vụ, chiếm 42,6% ;  - Tai nạn còn lại là tại các lối đi tự mở: 810 vụ, chiếm 42,3%.  Theo thống kê trong năm 2018 đã xảy ra 277 vụ, giảm 56 vụ (-16,82%), làm chết 121 người, giảm 33 người (-21,43%), làm bị thương 131 người, giảm 23 người (-14,94%);  Vị trí xảy ra tai nạn: tại lối đi tự mở là 91 vụ (chiếm 36,25%); tại đường ngang là 66 vụ (chiếm 26,29%); dọc đường (vi phạm khổ giới hạn ĐM-TX) là 94 vụ (chiếm 37,45%); phân loại: 02 vụ đặc biệt nghiêm trọng; 02 vụ rất nghiêm trọng; 103 vụ nghiêm trọng; 144 vụ ít nghiêm trọng.  Như vậy có thể thấy tình hình tai nạn giao thông đương sắt tại các lối đi tự mở chiếm phần lớn trong các vụ tai nạn giao thông đường sắt. Do đó, đề nghị bổ sung quy định này nhằm hạn chế số lượng phương tiện giao thông đường bộ vượt qua đường sắt tại các lối đi tự mở, giảm thiểu tai nạn giao thông đường sắt. |
| c) Để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển; | c) Để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển; | Giữ nguyên |
| d) Đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên, xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và các vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy, trừ người đang thi hành nhiệm vụ; | d) Đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên, xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và các vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy, trừ người đang thi hành nhiệm vụ; | Giữ nguyên |
| đ) Phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác; | đ) Phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật ~~phẩm~~ khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác; | Bỏ từ **"phẩm”** để bao quát hành vi vi phạm. |
| e) Để rơi vãi đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác lên đường sắt. | e) Để rơi vãi đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác lên đường sắt. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng hoặc các vật thể khác trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt; | a) Neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng hoặc các vật thể khác trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt; |  |
| b) Để phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này. | b) Để phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt; | a) Ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt; |  |
| b) Để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở giao thông đường sắt. | b) Để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở giao thông đường sắt. |  |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân làm rơi gỗ, đá hoặc các vật thể khác gây sự cố, tai nạn chạy tàu. | 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân làm rơi gỗ, đá hoặc các vật thể khác gây sự cố, tai nạn chạy tàu. |  |
|  | ***5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi vi phạm sau đây:***  ***a) Không thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn công trình đường sắt đối với các công trình thiết bị điện, viễn thông hiện có vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;*** | Đề xuất bổ sung khoản 5. Lý do  - Trong quá trình thanh tra, kiểm tra đã có một số vi phạm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ truyền tải điện để cột điện nghiêng, dây điện võng vi phạm đến phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.  - Bổ sung nội dung này phù hợp với quy định tại chương III phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt Nghị định số 56/2018/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt |
|  | ***b) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn để công trình điện lực, đường dây tải điện gây nhiễu hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;*** | Đề xuất bổ sung để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP. |
|  | ***c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn khi dây tải điện bị sự cố, đứt trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt.*** |  |
| 5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | 6. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | Sửa lại khoản cho phù hợp |
| a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải ra khỏi phạm vi cầu, hầm đường sắt; | a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải ra khỏi phạm vi cầu, hầm đường sắt; |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác; |  |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm e Khoản 1, Điểm b Khoản 3 Điều này buộc phải đưa đất, cát, vật chướng ngại, các loại vật tư, vật liệu khác ra khỏi đường sắt; | c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm e Khoản 1, Điểm b Khoản 3 Điều này buộc phải đưa đất, cát, vật chướng ngại, các loại vật tư, vật liệu khác ra khỏi đường sắt; |  |
| d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này buộc phải đưa bè, mảng, phương tiện vận tải thủy hoặc các vật thể khác ra khỏi phạm vi bảo vệ cầu đường sắt; | d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này buộc phải đưa bè, mảng, phương tiện vận tải thủy hoặc các vật thể khác ra khỏi phạm vi bảo vệ cầu đường sắt; |  |
| đ) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải đưa phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt. | đ) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải đưa phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt. |  |
|  | ***e) Thực hiện hành vi tại khoản 4 Điều này buộc phải thu dọn gỗ, đá hoặc các vật thể khác gây sự cố, tai nạn chạy tàu ra khỏi đường sắt đảm bảo an toàn chạy tàu*** | Bổ sung biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn giao thông đường sắt |
|  | ***g) Thực hiện hành vi tại điểm a khoản 5 Điều này buộc phải thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn công trình đường sắt;*** | Bổ sung biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn giao thông đường sắt |
|  | ***h) Thực hiện hành vi tại điểm b khoản 5 Điều này buộc phải thực hiện biện pháp bảo đảm không gây nhiễu hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt, biện pháp bảo đảm an toàn khi dây tải điện bị sự cố, bị đứt.*** | Bổ sung biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn giao thông đường sắt |
|  | ***Điều 48a. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý an toàn đường sắt đô thị***  ***1. Phạt tiền từ 20.000.0000 đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị không có Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị hoặc Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị hết hiệu lực theo quy định của pháp luật;***  ***2. Phạt tiền từ 100.000.0000 đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị không có Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật;***  ***3. Ngoài việc bị phạt tiền, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:***  ***a) Thực hiện hành vi tại khoản 1 Điều này buộc phải có Giấy chứng nhận định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị còn hiệu lực theo quy định của pháp luật;***  ***b) Thực hiện hành vi tại khoản 2 Điều này buộc phải có Giấy chứng nhận thẩm định hồ sơ an toàn hệ thống đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.*** | Để xuất bổ sung quy định này cho phù hợp với Điều 77 Luật Đường sắt 2017 và Điều 4, 5 Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT |
| **Mục 2**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT** | **Mục 2**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT** |  |
| **Điều 49. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt** | **Điều 49. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt** |  |
| 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân đổ, để rác thải sinh hoạt lên đường sắt hoặc xả rác thải sinh hoạt từ trên tàu xuống đường sắt. | 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân đổ, để rác thải sinh hoạt lên đường sắt hoặc xả rác thải sinh hoạt từ trên tàu xuống đường sắt. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Đổ, để chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt hoặc đổ chất độc hại, chất phế thải từ trên tàu xuống đường sắt; | a) Đổ, để chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt hoặc đổ chất độc hại, ***xả chất phế thải không bảo đảm vệ sinh môi trường*** từ trên tàu xuống đường sắt; | Đề xuất thay cụm từ “chất phế thải’ bằng cụm từ “xả chất phế thải không bảo đảm vệ sinh môi trường”. Lý do: phù hợp với khoản 7 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
| b) Đổ trái phép đất, đá, vật liệu khác lên đường sắt hoặc để rơi đất, đá, vật liệu khác từ trên tàu xuống đường sắt trong quá trình vận chuyển; | b) Đổ trái phép đất, đá, vật liệu khác lên đường sắt hoặc để rơi đất, đá, vật liệu khác từ trên tàu xuống đường sắt trong quá trình vận chuyển; | Giữ nguyên |
| c) Để chất dễ cháy, dễ nổ trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | c) Để chất dễ cháy, dễ nổ trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | Giữ nguyên |
| d) Che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt; | ***d) Làm che lấp tín hiệu giao thông đường sắt;*** | Đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 4 Điều 9 Luật Đường sắt 2017. |
| đ) Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường sắt; | đ) Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường sắt; | Giữ nguyên |
|  | ***e) Bơm, xả nước hoặc các chất lỏng khác làm ngập nền đường sắt, ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của hệ thống thoát nước đường sắt hoặc ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường sắt;*** | Đề xuất bổ sung hành vi này phù hợp với thực tiễn. Lý do: Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện hành vi các chủ đầu tư công trình xây dựng đã bơm, xả nước vào công trình đường sắt làm ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, gây mất an toàn chạy tàu nhưng chưa có chế tài xử phạt hành vi này. |
| e) Đặt tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt. | g) Đặt tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác trái phép ***trong lòng đường sắt hoặc*** trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt. | - Sửa tên khoản cho phù hợp với kết cấu  - Bổ sung cụm từ "***trong lòng đường sắt hoặc***” cho rõ nghĩa. Hành vi này trong thực tiễn thường xuyên xảy ra khi người dân tự ý làm lối đi qua đường sắt đã đặt tấm đan trong lòng đường sắt (giữa hai ray) mà theo quy định của pháp luật vị trí này không phải là phạm vi bảo vệ đường sắt. |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Đào đất, đá; lấy đất, đá trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; | a) Đào, lấy, ***san, lấp*** đất, đá ***hoặc các vật liệu khác*** trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; | Đề nghị bổ sung cum từ ”san, lấp” và cụm từ ” hoặc các vật liệu khác” để bao quát hết các hành vi vi phạm xảy ra trong thực tiến. |
| b) Làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; di chuyển hoặc phá trái phép mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, mốc chỉ giới phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt; | b) Làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; ~~di chuyển~~***làm sai lệch vị trí*** hoặc phá, ***dỡ*** trái phép ***mốc chỉ giới ga đường sắt, mốc giới đất dành cho đường sắt*** ~~mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, mốc chỉ giới phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt;~~ | Đề xuất thay cụm từ ”mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, mốc chỉ giới phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt;” bằng cụm từ "***mốc chỉ giới ga đường sắt,*** mốc giới đất dành cho đường sắt”;  Lý do: cho phù hợp với Luật Đường sắt và Nghị định 56/2018/NĐ-CP. |
| c) Làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt. | ***c) Làm sai lệch công trình, hệ thống báo hiệu trên đường sắt hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt.*** | Đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 4 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Mở đường ngang, kéo đường dây thông tin, đường dây tải điện, xây dựng cầu vượt, hầm chui, cống, các công trình khác trái phép qua đường sắt; | ***a) Tự mở lối đi, xây dựng, lắp đặt đường dây thông tin trái phép qua hoặc trong phạm vi đất dành cho đường sắt;*** | Để phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt:  + Khoản 3 Điều 9 Luật Đường sắt 2017;  + Điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định 56/2018/NĐ-CP; |
|  | ***b) Xây dựng các công trình: phục vụ quốc phòng, an ninh, cầu, cầu vượt, hầm, cống thủy lợi, hệ thống dẫn, chuyển nước, cột điện lực, đường dây tải điện, đường ống cấp nước, thoát nước, viễn thông và các công trình khác trái phép qua hoặc trong phạm vi đất dành cho đường sắt;*** | Để phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt:  + Điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định 56/2018/NĐ-CP;  + Điều 39 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT; |
| b) Khoan, đào, xẻ đường sắt trái phép; | b) Khoan, đào, xẻ đường sắt trái phép; | Giữ nguyên |
| c) Tháo dỡ, làm xê dịch trái phép ray, tà vẹt, cấu kiện, phụ kiện, vật tư, trang thiết bị, hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt. | c) Tháo dỡ, làm xê dịch trái phép ray, tà vẹt, cấu kiện, phụ kiện, vật tư, trang thiết bị, hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt; | Giữ nguyên |
|  | ***d) Mắc máy điện thoại và các thiết bị khác vào đường dây điện thoại đóng đường và các đường điện thoại ghi, gác chắn đường ngang, gác cầu, gác hầm; vào đường dây trung kế đường dài trừ trường hợp mắc tạm thời để giải quyết trở ngại thông tin khi không còn đường thông tin nào khác;*** | Phù hợp với mục 2.1.2.7.2.2 –QC08:2018/BGTVT |
|  | ***đ) Phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.*** | Phù hợp với khoản 1 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 và Điều 268 Bộ Luật hình sự 2015. |
|  | ***5. Xử phạt từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức khi cải tạo, nâng cấp công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt thực hiện một trong những hành vi sau:***  ***a) Không có giải pháp kỹ thuật, làm ảnh hưởng đến sự ổn định, tuổi thọ và bảo đảm an toàn cho công trình đường sắt;***  ***b) Không được cấp có thẩm quyền chấp thuận khi thực hiện.*** | Đề nghị bổ sung hành vi này cho phù hợp với các quy định về nâng cấp, cải tạo công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt phù hợp với Điểm đ khoản 1 Điều 9; khoản 4, 6,7 Điều 10; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 11; điểm d khoản 1 Điều 13, Điều 14, điểm c khoản 1 Điều 18 của Nghị định 56/2018/NĐ-CP |
| 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Sử dụng chất nổ; khai thác đất, đá, cát, sỏi, các vật liệu khác làm lún, nứt, sạt lở, rạn vỡ công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt; | a) Sử dụng chất nổ; khai thác đất, đá, cát, sỏi, các vật liệu khác làm lún, nứt, sạt lở, rạn vỡ công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt; |  |
| b) Kết nối đường sắt khác vào đường sắt quốc gia trái quy định. | b) Kết nối đường sắt khác vào đường sắt quốc gia trái quy định. |  |
| 6. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | 7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: |  |
| a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1; Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải đưa rác thải sinh hoạt; đất, đá, chất độc hại, chất phế thải và các vật liệu khác ra khỏi đường sắt; | a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1; Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải đưa rác thải sinh hoạt; đất, đá, chất độc hại, chất phế thải và các vật liệu khác ra khỏi đường sắt; |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này buộc phải đưa chất dễ cháy, dễ nổ ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này buộc phải đưa chất dễ cháy, dễ nổ ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; |  |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm d Khoản 2 buộc phải tự dỡ bỏ vật che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt; | c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm d Khoản 2 buộc phải tự dỡ bỏ vật che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt; |  |
| d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của hệ thống thoát nước công trình đường sắt; | d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của hệ thống thoát nước công trình đường sắt; |  |
| đ) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều này buộc phải đưa tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt; | đ) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều này buộc phải đưa tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt; |  |
| e) Thực hiện hành vi quy định Khoản 3 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; | e) Thực hiện hành vi quy định Khoản 3 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; |  |
| g) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ công trình xây dựng trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. | g) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ công trình xây dựng trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. |  |
| **Điều 50. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt** | **Điều 50. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt** | Giữ nguyên |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt và an toàn giao thông đường sắt. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt ***hoặc làm ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt.*** | Đề nghị bổ sung phù hợp với quy định tai Điều 19, Điều 20 Nghị định 56/2018/NĐ-CP |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Xây dựng lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 10 m; | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Xây dựng lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 10 m; |  |
| b) Xây dựng nhà bằng vật liệu dễ cháy cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 05 m; | b) Xây dựng nhà bằng vật liệu dễ cháy cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 05 m; |  |
| c) Xây dựng công trình trong phạm vi góc cắt tầm nhìn làm cản trở tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt tại đường ngang không bố trí người gác; | c) Xây dựng công trình trong phạm vi góc cắt tầm nhìn làm cản trở tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt tại đường ngang không bố trí người gác; |  |
| d) Xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt làm hư hỏng công trình đường sắt. | d) Xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt làm hư hỏng công trình đường sắt. |  |
| 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt. | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt. |  |
| 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt và an toàn giao thông đường sắt; | 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt và an toàn giao thông đường sắt; |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt; |  |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của công trình đường sắt đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. | c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của công trình đường sắt đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. |  |
| **Điều 51. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt** | **Điều 51. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt** | Giữ nguyên |
| 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, trồng cây cao trên 1,5 m, trồng cây trong khoảng 02 m tính từ chân nền đường đắp, 05 m tính từ mép đỉnh mái đường đào hoặc 03 m tính từ mép ngoài rãnh thoát nước dọc, rãnh thoát nước đỉnh của đường; | ***a) Trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, trồng cây cao trên 1,5 m hoặc trồng cây dưới 1,5 m nhưng ảnh hưởng đến an toàn, ổn định công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt trong quá trình khai thác;*** | Đề xuất sửa đổi để phù hợp với khoản 2 Điều 27 Nghị định 56/2018/NĐ-CP |
| b) Mua bán hàng hóa, họp chợ, thả trâu, bò, gia súc trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt. | b) Mua bán hàng hóa, họp chợ, thả trâu, bò, gia súc trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt. | 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Để phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải hoặc các vật phẩm khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; | a) Để phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải hoặc các vật phẩm khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; | Giữ nguyên |
| b) Dựng lều quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | b) Dựng lều, quán, nhà tạm, công trình tạm ~~thời khác trái phép~~ trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | Đề nghị bỏ cụm từ " thời khác trái phép” . Lý do: Theo quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 việc xây dựng công trình tạm trong phạm vi đất dành cho đường sắt không được cấp phép xây dựng. |
| c) Đặt, treo biển quảng cáo, biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | c) Đặt, treo biển quảng cáo, biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | Giữ nguyên |
| d) Di chuyển chậm trễ các công trình, nhà ở, lều quán hoặc cố tình trì hoãn việc di chuyển gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. | d) Di chuyển chậm trễ các công trình, nhà ở, lều quán hoặc cố tình trì hoãn việc di chuyển gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. | Giữ nguyên |
| 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | a) Xây dựng các công trình kiến trúc ~~kiên cố~~ khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; | Điều 27 Nghị định 56/2018/NĐ-CP |
| b) Dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt. | b) Dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt. | Giữ nguyên |
| 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: |  |
| a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải chặt, nhổ bỏ cây trồng trái quy định; | a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải chặt, nhổ bỏ cây trồng trái quy định; | Giữ nguyên |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; | Giữ nguyên |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này buộc đưa phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải, các vật phẩm khác (để trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; | c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này buộc đưa phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải, các vật phẩm khác (để trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; | Giữ nguyên |
| d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển lều quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; | d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển lều quán, nhà tạm, công trình tạm thời khác dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; |  |
| đ) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển biển quảng cáo, các biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; | đ) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển biển quảng cáo, các biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; | Giữ nguyên |
| e) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển nhà, công trình kiên cố, biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn xây dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt. | e) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển ***lều quán***, nhà, công trình ~~kiên cố~~, biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn xây dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt. | Đề nghị sửa để phù hợp với khoản 4 Điều này. |
|  | **Điều 51a. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hoạt động, xây dựng công trình thiết yếu không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi đất dành cho đường sắt.** | Bổ sung Điều 51A. Để phù hợp với Điều 23 Luật Đường sắt 2017 và Nghị định 56/2018/NĐ-CP |
|  | ***1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*** |  |
|  | ***a) Thi công công trình khi chưa có văn bản chấp thuận phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, thời gian phong tỏa phục vụ thi công của tổ chức có liên quan theo quy định;*** | Phù hợp với khoản 2 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***b) Khởi công xây dựng công trình khi chưa được bàn giao mặt bằng thi công theo quy định;*** | Phù hợp với khoản 3 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***c) Sau khi thi công hoàn thành công trình không bàn giao lại hiện trường, hồ sơ hoàn công cho tổ chức có liên quan theo quy định;*** | Phù hợp với khoản 4 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***d) Để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi khu gian chưa được phong tỏa hoặc hết thời gian phong tỏa khu gian theo quy định;*** | Phù hợp với mục 2.1.1.3 QCVN 08:2018/BGTVT. |
|  | ***đ) Thi công công trình gây sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.*** |  |
|  | ***2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*** |  |
|  | ***a) Không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt;*** | Phù hợp với khoản 6 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***b) Vi phạm quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thi công;*** | Phù hợp với khoản 6 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***c) Không gia cố kịp thời bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình hư hỏng;*** | Phù hợp với khoản 6 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***d) Không duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định và bảo đảm nguồn kinh phí để quản lý, bảo trì phần công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt;*** | Phù hợp với khoản 5 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***e) Không tự di chuyển hoặc cải tạo công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;*** | Phù hợp với khoản 7 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***g) Không tự phá dỡ công trình khi hết hạn sử dụng;*** | Phù hợp với khoản 7 Điều 62 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***h) Không tháo dỡ công trình khi vi phạm nội dung của Giấy phép hoặc cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi, hủy Giấy phép.*** | Phù hợp với Điều 53 THông tư số 25/2018/TT-BGTVT |
|  | ***3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này bị đình chỉ thi công, tịch thu vật liệu, thiết bị, phương tiện thi công.*** |  |
|  | ***4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, điểm c, điểm d Khoản 2 Điều này buộc phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.*** |  |
|  | ***5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c Khoản 2 Điều này bị cưỡng chế tháo dỡ hoặc cải tạo công trình theo quy định của pháp luật.*** |  |
|  | ***51b. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị***  ***1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trồng cây trái phép trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị.***  ***2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị.***  ***3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:***  ***a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này buộc phải chặt, nhổ bỏ cây trồng trái phép;***  ***b) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này buộc phải tự dỡ bỏ và di chuyển công trình xây dựng trái phép.*** | Đề xuất bổ sung quy định này cho phù hợp với điểm a khoản 4 Điều 70 Luật Đường sắt 2017 |
| **Điều 52. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt** | **Điều 52. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Không lập hồ sơ theo dõi các vị trí xung yếu hoặc lập hồ sơ không đúng quy định; | a) Không lập hồ sơ ~~theo dõi các vị trí xung yếu hoặc lập hồ sơ không đúng quy định~~***quản lý, kỹ thuật công trình đường sắt; hồ sơ quản lý hành lang an toàn giao thông đường sắt***; ***không lập danh Mục quản lý đối với các đường ngang trên đường sắt quốc gia không phù hợp với quy định của Luật Đường sắt, các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt, các lối đi tự mở qua đường sắt trên đường sắt quốc gia;*** | Đề xuất thay thế đoạn ” theo dõi các vị trí xung yếu hoặc lập hồ sơ không đúng quy định” bằng đoạn "quản lý, kỹ thuật công trình đường sắt; hồ sơ quản lý hành lang an toàn giao thông đường sắt;”, " không lập danh Mục quản lý đối với các đường ngang trên đường sắt quốc gia không phù hợp với quy định của Luật Đường sắt, các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt, các lối đi tự mở qua đường sắt trên đường sắt quốc gia;”  Lý do: để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định 65/2018/NĐ-CP; khoản 1 Điều 6 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT quy định về quản lý, bảo trì công trình đường sắt quốc gia. |
| b) Không phát hiện hoặc đã phát hiện mà không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi quản lý; | b) Không ***kịp thời ngăn chặn***, không phát hiện hoặc đã phát hiện mà không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi quản lý; | Đề xuất bổ sung cụm từ ”không kịp thời ngăn chặn” cho phù hợp với điểm b khoản 3 Điều 24 Luật Đường sắt. |
| c) Không lập, không lưu trữ hồ sơ quản lý công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc lập, lưu trữ hồ sơ nhưng không đúng quy định. | c)~~Không~~ Lập,~~không~~ lưu trữ hồ sơ quản lý ***kỹ thuật*** công trình đường sắt và hồ sơ hành lang an toàn giao thông đường sắt ~~hoặc lập, lưu trữ hồ sơ nhưng~~ không đúng quy định. | Đề xuất sửa như trên.  Lý do: Như giải thích tại điểm x khoản này. |
|  | ***d) Không thông báo hoặc thông báo không kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố, nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt, khách hàng sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt;*** | Đề xuất bổ sung hành vi này cho phù hợp với điểm đ khoản 2 Điều 51 Luật Đường sắt. |
|  | ***đ) Không thực hiện chế độ báo cáo về: công tác bảo vệ, sử dụng đất dành cho đường sắt theo quy định của pháp luật; kết quả thực hiện giảm, xóa bỏ đối với các đường ngang trên đường sắt quốc gia không phù hợp với quy định của Luật Đường sắt; các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt; các lối đi tự mở qua đường sắt trên đường sắt quốc gia để tổ chức thực hiện theo quy định.*** | Đề xuất bổ sung hành vi này cho phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 38Nghị định 56/2018/NĐ-CP; khoản 2 Điều 53 Nghị định 65/2018/NĐ-CP |
| 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Không thực hiện chế độ kiểm tra hoặc thực hiện chế độ kiểm tra không đúng quy định; | a) Không thực hiện chế độ kiểm tra hoặc thực hiện chế độ kiểm tra không đúng quy định; | Giữ nguyên |
| b) Để công trình đường sắt bị hư hỏng mà không kịp thời có biện pháp khắc phục, sửa chữa cần thiết; | b) Để công trình đường sắt bị hư hỏng mà không kịp thời có biện pháp khắc phục, sửa chữa cần thiết; | Giữ nguyên |
| c) Không kịp thời tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố. | c) Không kịp thời tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố. | Giữ nguyên |
|  | ***d) Khi thực hiện bảo trì không thực hiện kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường sắt theo quy định;*** | Đề xuất bổ sung thêm điểm này để phù hợp với Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT quy định về quản lý, bảo trì công trình đường sắt quốc gia. |
|  | ***đ) Không tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình đối với công trình đường sắt hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp.*** | Đề xuất bổ sung thêm điểm này để phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 12 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT quy định về quản lý, bảo trì công trình đường sắt quốc gia. |
|  | ***3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân và 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:*** | Đề xuất bổ sung thêm khoản này để phù hợp với Điều 38 Nghị định 56/2018/NĐ-CP ngày16/4/2018 |
|  | ***a) Sử dụng đất dành cho đường sắt không đúng mục đích theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;*** |  |
|  | ***b) Không thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật;*** |  |
|  | ***c) Không thực hiện quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng nội dung của hợp đồng và quy định của pháp luật khi được nhà nướccho thuê hoặc chuyển nhượng.*** |  |
| 3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | ***4.*** Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | Chuyển khoản 3 cũ thành khoảng 4 mới |
| a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo đúng quy định; | a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo đúng quy định; |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này buộc phải tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố. | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này buộc phải tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố. |  |
| **Điều 53. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thi công công trình đường sắt** | **Điều 53. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thi công công trình đường sắt*trên đường sắt đang khai thác*** |  |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Thi công công trình có Giấy phép thi công nhưng không thông báo bằng văn bản cho tổ chức trực tiếp quản lý công trình đường sắt biết trước khi thi công; | a) Thi công công trình ***khi chưa được bàn giao mặt bằng***~~có Giấy phép thi côngnhưng~~***hoặc*** không thông báo bằng văn bản cho tổ chức trực tiếp quản lý công trình đường sắt biết trước khi thi công; | Đề xuất bỏ cụm từ "có Giấy phép thi công những”. Thực tiễn hiện nay thì công trình đường sắt khi thi công không thực hiện việc cấp Giấy phép |
| b) Không bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định đối với phương tiện, thiết bị thi công; | b) Không bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định đối với phương tiện, thiết bị thi công; | Giữ nguyên |
| c) Không bố trí hoặc bố trí không đúng vị trí quy định, không đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ theo quy định, không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công; | c) Không bố trí hoặc bố trí không đúng vị trí quy định, không đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ theo quy định, không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công; | Giữ nguyên |
| d) Điều khiển phương tiện, thiết bị thi công mà không có bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định; | d) Điều khiển phương tiện, thiết bị thi công mà không có bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định; | Giữ nguyên |
| đ) Để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công không đúng quy định gây cản trở chạy tàu, không bảo đảm an toàn giao thông; | đ) Để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công không đúng quy định gây cản trở chạy tàu, không bảo đảm an toàn giao thông; | Giữ nguyên |
| e) Thi công công trình đường sắt khi Giấy phép thi công đã hết hạn sử dụng; | ~~e) Thi công công trình đường sắt khi Giấy phép thi công đã hết hạn sử dụng;~~ | Đề nghị bỏ công trình đường sắt không phải thực hiện việc cấp Giấy phép |
| g) Để thiết bị thi công, biển phòng vệ, biển báo tạm thời, các vật liệu khác vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi hết thời gian phong tỏa để thi công công trình; | g) Để thiết bị thi công, biển phòng vệ, biển báo tạm thời, các vật liệu khác vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi hết thời gian phong tỏa để thi công công trình; | Giữ nguyên |
| h) Không thông báo bằng văn bản cho đơn vị quản lý công trình đường sắt biết khi hoàn thành việc thi công công trình. | h) Không thông báo bằng văn bản cho đơn vị quản lý công trình đường sắt biết khi hoàn thành việc thi công công trình. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Thi công công trình không có Giấy phép thi công hoặc sử dụng Giấy phép thi công không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc không thực hiện đúng quy định trong Giấy phép thi công của cơ quan có thẩm quyền cấp; | ~~a) Thi công công trình không có Giấy phép thi công hoặc sử dụng Giấy phép thi công không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc không thực hiện đúng quy định trong Giấy phép thi công của cơ quan có thẩm quyền cấp;~~ | Đề nghị bỏ |
| b) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện công trình đường sắt đang thi công đe dọa an toàn chạy tàu. | b) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện công trình đường sắt đang thi công đe dọa an toàn chạy tàu. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thi công trên đường sắt đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thi công trên đường sắt đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. | Giữ nguyên |
| 4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ thi công từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép thi công (nếu có) từ 01 tháng đến 03 tháng. | 4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ thi công từ 01 tháng đến 03 tháng ~~hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép thi công (nếu có) từ 01 tháng đến 03 tháng~~. | Đề nghị bỏ đoạn ”hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép thi công (nếu có) từ 01 tháng đến 03 tháng”  Lý do: đã giải thích tại điểm e khoản 1 trên. |
| 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định; | 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định; | Giữ nguyên |
| b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này buộc phải bố trí đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định; | b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này buộc phải bố trí đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định; | Giữ nguyên |
| c) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này buộc phải để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công theo đúng quy định; | c) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này buộc phải để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công theo đúng quy định; | Giữ nguyên |
| d) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều này buộc phải di chuyển vật liệu, thiết bị thi công ra khỏi phạm vi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; | d) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều này buộc phải di chuyển vật liệu, thiết bị thi công ra khỏi phạm vi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; | Giữ nguyên |
| đ) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp để bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định. | đ) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp để bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định. | Giữ nguyên |
|  | ***Điều 53a. Vi phạm trong việc đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình đường sắt trong quá trình khai thác sử dụng*** |  |
|  | ***1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi sau đây:*** | Đề xuất bổ sung nội dung này để phù hợp với khoản 1 Điều 10 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT |
|  | ***a) Không tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng;*** |  |
|  | ***b) Thực hiện đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành không đúng trình tự, thủ tục quy định.*** |  |
|  | ***2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi sau đây:*** | Đề xuất bổ sung nội dung này để phù hợp với khoản 3 Điều 10 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT |
|  | ***a) Báo cáo kết quả đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành không chính xác;*** |  |
|  | ***b) Cung cấp số liệu, kết quả đánh giá không chính xác.*** |  |
|  | ***Điều 53b. Vi phạm trong việc đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình đường sắt trong quá trình khai thác sử dụng*** |  |
|  | ***Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây:*** | Đề xuất bổ sung nội dung này là phù hợp với Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 10 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT |
|  | ***1. Không tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng.*** |  |
|  | ***2. Thực hiện đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành không đúng trình tự, thủ tục quy định.*** |  |
|  | ***Điều 53c. Vi phạm quy định về quan trắc công trình, bộ phận công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng đối với tổ chức*** | Đề xuất bổ sung thêm điều này để phù hợp với Điều 13 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT |
|  | ***1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt vi phạm một trong các hành vi sau đây:*** |  |
|  | ***a) Không thực hiện quan trắc đối với công trình, bộ phận công trình đường sắt bắt buộc phải được thực hiện;*** |  |
|  | ***b) Thực hiện quan trắc đối với công trình, bộ phận công trình đường sắt không đúng trình tự, thủ tục quy định.*** |  |
|  | ***2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*** |  |
|  | ***a) Báo cáo kết quả quan trắc không chính xác;*** |  |
|  | ***b) Cung cấp số liệu, kết quả quan trắc không chính xác.*** |  |
|  | ***Điều 53d. Vi phạm về áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kỹ thuật trong công tác bảo trì công trình đường sắt*** | Đề xuất nội dung này phù hợp với quy định tại Điều 14 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT |
|  | ***1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đối với hành vi sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài khi chưa được người quyết định đầu tư chấp thuận.*** |  |
|  | ***2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức hoặc người quản lý, sử dụng, bảo trì công trình đường sắt khi có một trong các hành vi sau:*** |  |
|  | ***a) Sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn quốc gia đã hết hiệu lực để thực hiện bảo trì.*** |  |
|  | ***b) Sử dụng sai tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.*** |  |
|  | ***Điều 53đ. Vi phạm quy định về quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt*** | Đề xuất nội dung này phù hợp với Điều 18 Thông tư 16/2018/TT-BGTVT; |
|  | ***1. Phạt tiền 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc người quản lý, sử dụng công trình thực hiện một trong các hành vi sau đây:*** |  |
|  | ***a) Không lập hệ thống quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt;*** |  |
|  | ***b) Không thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất hoặc thực hiện kiểm tra không đúng quy định;*** |  |
|  | ***c) Không thực hiện việc ghi nhật ký, lập hồ sơ công tác bảo dưỡng theo quy định hoặc lập và ghi chép không đầy đủ.*** |  |
|  | ***2. Phạt tiền 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*** |  |
|  | ***a) Sử dụng kết quả thí nghiệm của tổ chức thí nghiệm chuyên ngành xây dựng không đủ điều kiện năng lực theo quy định;*** |  |
|  | ***b) Không thực hiện kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiến, thiết bị, phụ kiện phối kiện trước khi đưa vào thi công, lắp đặt trong công trình theo quy định;*** |  |
|  | ***c) Sử dụng vật liệu xây dựng, cấu kiện, thiết bị không có chứng chỉ xuất xứ hàng hoá, chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.*** |  |
|  | ***3. Phạt tiền 70.000.000 đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*** |  |
|  | ***a) Công trình đã nghiệm thu, nhưng không đảm bảo về chất lượng hoặc chủng loại vật liệu theo hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ hoàn thành công trình;*** |  |
|  | ***b) Khối lượng nghiệm thu nội bộ nhiều hơn khối lượng công việc thực tế thực hiện hoặc nhiều hơn khối lượng ghi trong nhật ký thi công.*** |  |
|  | ***Điều 53e. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kết nối các tuyến đường sắt*** | Bổ sung điều này phù hợp với Điêu 14, 15 Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT |
|  | ***1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đối với tổ chức khi kết nối các tuyến đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:*** |  |
|  | ***a) Kết nối trái phép các tuyến đường sắt;*** |  |
|  | ***b) Thực hiện không đủ các nội dung trong Giấy phép kết nối tuyến đường sắt;*** |  |
|  | ***c) Thực hiện kết nối khi chưa có ý kiến thống nhất của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị về phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ, thời gian thi công, thời gian phong tỏa phục vụ thi công;*** |  |
|  | ***d) Sau khi đã hoàn thành việc kết nối không bàn giao hiện trường và hồ sơ hoàn công công trình trong khu vực kết nối;*** |  |
|  | ***d) Tự di chuyển vị trí kết nối hoặc cải tạo công trình trong khu vực kết nối.*** |  |
|  | ***5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung buộc phải dừng hoạt động kết nối để đảm bảo an toàn giao thông đường sắt.*** |  |
| **Mục 3**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ**  **PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** | **Mục 3**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ**  **PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** |  |
| **Điều 54. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện lưu hành của phương tiện giao thông đường sắt** | **Điều 54. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện lưu hành của phương tiện giao thông đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức đưa phương tiện tự tạo chạy trên đường sắt. | 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức đưa phương tiện tự tạo chạy trên đường sắt. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trên mỗi phương tiện đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau: | 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trên mỗi phương tiện đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau: |  |
| a) Đưa phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký, phương tiện không có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường chạy trên đường sắt, trừ việc di chuyển phương tiện mới nhập khẩu, phương tiện chạy thử nghiệm, phương tiện hư hỏng đưa về cơ sở sửa chữa; | a) Đưa phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký, phương tiện không có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ~~chạy trên~~***phương tiện***đường sắt***hoặc giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt***, trừ việc di chuyển phương tiện mới nhập khẩu, phương tiện chạy thử nghiệm, phương tiện hư hỏng đưa về cơ sở sửa chữa; | Đề nghị thay cụm từ "chạy trên” bằng cụm từ"phương tiện” và bổ sung cụm từ ”Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”. Lý do: cho phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 30 Luật Đường sắt 2017 |
| b) Đưa phương tiện không phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện chạy trên đường sắt; | b) Đưa phương tiện không phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ~~của~~ phương tiện ~~chạy trên~~***giao thông***đường sắt***hoặc Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt***; | Đề nghị thay cụm từ "chạy trên” bằng cụm từ"phương tiện” và bổ sung cụm từ ”Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”. Lý do: cho phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 30 Luật Đường sắt 2017 |
| c) Đưa phương tiện giao thông đường sắt không được phép vận dụng ra khai thác trên đường sắt. | c) Đưa phương tiện giao thông đường sắt không được phép vận dụng ra khai thác trên đường sắt; | Giữ nguyên |
|  | ***d) Sử dụng toa xe chở hàng để vận chuyển hành khách;*** | Đề xuất bổ sung thêm điểm này để phù hợp với khoản 14 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
|  | ***đ) Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt;*** | Đề xuất bổ sung thêm điểm này để phù hợp với khoản 14 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
|  | ***e) Đưa phương tiện giao thông đường sắt quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông đường sắt;*** | Đề xuất bổ sung thêm điểm này để phù hợp với Điều 18, 19 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP. |
|  | ***3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trên mỗi phương tiện đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đưa phương tiện giao thông đường sắt ra vận dụng và nối vào đoàn tàu nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng khi đôi bánh có khuyết tật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt.*** | Đề xuất bổ sung thêm để phù hợp với mục 2.2.3.2QCVN 08:2018/BGTVT |
| 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt. | 4. Phạt tiền từ ***20.000.000*** đồng đến ***30.000.000*** đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm c khoản 2, ***khoản 3*** Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt. | Sửa tên khoản cho phù hợp  Đề xuất tăng mức phạt để đảm bảo tính nghiêm minh và răn đe. Trong thực tế khi đưa toa xe này vào khai thác sẽ tiềm ẩn xẩy ra tai nạn và gây thiệt hại và mất an toàn giao thông đường sắt |
| 4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện tự tạo. | 5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện tự tạo. | Sửa tên khoản cho phù hợp |
|  | ***6. Ngoài việc bị phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt buộc phải dừng khai thác phương tiện.*** |  |
| **Điều 55. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thông tin, chỉ dẫn cần thiết đối với phương tiện giao thông đường sắt** | **Điều 55. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thông tin, chỉ dẫn cần thiết đối với phương tiện giao thông đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không có bảng niêm yết hoặc có bảng niêm yết nhưng không đầy đủ về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố trên mỗi toa xe khách theo quy định. | 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt ***thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:***  ***a) Đưa vào khai tháctoa xe khách không có hoặc có nhưng không đầy đủ về biển số thứ tự của toa xe hoặc biển số thứ tự bên ngoài toa xe không trùng với số thứ tự bên trong toa xe theo quy định;***  ***b) Đưa vào khai tháctoa xe khách không có số chỗ, nội quy đi tàu, bảng thông tin thông tin cần thiết chi khách hàng bằng chữ viết hoặc điện tử hoặc hệ thống truyền thanh bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định;***  ***c) Đưa vào khai tháctoa xe khách không có biển hiệu hoặc không đầy đủ biển hiệu bằng chữ hoặc bằng hình vẽ chỉ dẫn sử dụng các trang thiết bị an toàn, chữa cháy, chỗ ưu tiên của khách hàng, nhà vệ sinh theo quy định.*** | Đề nghị tách khoản này thành 02 điểm có sửa đổi, bổ sung để cho đầy đủ các hành vi vi phạm và phù hợp với Điều 4 Thông tư số 20/2018/TT-BGTVT ngày 26/4/2018 của Bộ GTVT. |
|  | ***2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đô thịthực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:***  ***a)Đưa vào khai thácphương tiện giao thông đường sắtkhông có hoặc không đầy đủ thông tin, chỉ dẫn bằng chữ, hình vẽ, phát thanh, bảng thông tin bằng chữ viết hoặc điện tử bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định;***  ***b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt không có hoặc không đầy đủ chỉ dẫn sử dụng các trang thiết bị an toàn, chữa cháy, chỗ ưu tiên của khách hàng theo quy định;***  ***c) Đưa toa xe điều khiển đầu đoàn tàu vào khai thác mà bên ngoài toa xe không có thông tin điểm đến của đoàn tàu.*** | Đề nghị bổ sung khoản này cho đầy đủ hành vi vi phạm về thông tin chỉ dẫn đối với phương tiện giao thông đường săt đô thị và phù hợp với Điều 5 Thông tư số 20/2018/TT-BGTVT ngày 26/4/2018 của Bộ GTVT |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không kẻ, kẻ không đủ, không đúng số hiệu, số đăng ký và các ký hiệu khác theo quy định trên mỗi phương tiện giao thông đường sắt. | 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không kẻ, kẻ không đủ, không đúng số hiệu, số đăng ký và các ký hiệu khác theo quy định trên mỗi phương tiện giao thông đường sắt. | Sửa tên khoản cho phù hợp kết cấu |
| **Điều 56. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thiết bị hãm, ghép nối đầu máy, toa xe** | **Điều 56. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thiết bị hãm, ghép nối đầu máy, toa xe** | Giữ nguyên |
| 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Trên phương tiện giao thông đường sắt không lắp thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Trên phương tiện giao thông đường sắt không lắp thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; |  |
| b) Không lắp van hãm khẩn cấp trên toa xe khách, tại vị trí làm việc của trưởng tàu hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; | b) Không lắp van hãm khẩn cấp trên toa xe khách, tại vị trí làm việc của trưởng tàu hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; |  |
| c) Không kiểm tra định kỳ và kẹp chì niêm phong van hãm khẩn cấp, đồng hồ áp suất theo quy định; | c) Không kiểm tra định kỳ và kẹp chì niêm phong van hãm khẩn cấp, đồng hồ áp suất theo quy định; |  |
| d) Không lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; | d) Không lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; |  |
| đ) Để thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe không đúng quy định. | đ) Để thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe không đúng quy định. |  |
| 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện hành vi sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng đã hết hạn sử dụng hoặc sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không hoạt động theo quy định. | 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện hành vi sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng đã hết hạn sử dụng hoặc sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không hoạt động theo quy định. |  |
| 3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải lắp thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay theo quy định; | 3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải lắp thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay theo quy định; |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải lắp van hãm khẩn cấp tại vị trí làm việc của trưởng tàu và trên toa xe khách theo quy định; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải lắp van hãm khẩn cấp tại vị trí làm việc của trưởng tàu và trên toa xe khách theo quy định; |  |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này buộc phải lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định; | c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này buộc phải lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định; |  |
| d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này buộc phải lắp thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe theo quy định; | d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này buộc phải lắp thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe theo quy định; |  |
| đ) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này buộc phải thay thế thiết bị tín hiệu đuôi tàu theo quy định. | đ) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này buộc phải thay thế thiết bị tín hiệu đuôi tàu theo quy định. |  |
| **Điều 57. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về trang thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt** | **Điều 57. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về trang thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trưởng tàu, lái tàu phụ trách đoàn tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trưởng tàu, lái tàu phụ trách đoàn tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Không có hoặc có không đầy đủ thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ chèn tàu, tín hiệu cầm tay trên tàu hàng theo quy định; | a) Không có hoặc có không đầy đủ thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ chèn tàu, tín hiệu cầm tay trên tàu hàng theo quy định; | Giữ nguyên |
| b) Không có hoặc có không đầy đủ thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ thoát hiểm, dụng cụ chèn tàu, dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản, tín hiệu cầm tay trên tàu khách theo quy định; | b) Không có hoặc có không đầy đủ thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ thoát hiểm, dụng cụ chèn tàu, dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản, tín hiệu cầm tay,***điện, nước, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điều hòa không khí, làm mát, thông gió, thiết bị vệ sinh, thiết bị cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng***trên tàu khách theo quy định; | Đề xuất và bổ sung nội dung “điện, nước, thiết bị chiếu sáng, thiết bị làm mát, thông gió, thiết bị vệ sinh, thiết bị cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng”. Lý do: phù hợp với Điều 6 Thông tư số 20/2018/TT-BGTVT ngày 26/4/2018 của Bộ GTVT |
|  | ***c) Không có hoặc có không đầy đủ dụng cụ thoát hiểm, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điều hòa không khí, thông gió, thiết bị truyền thanh, ghế ngồi ưu tiên, thiết bị chữa cháy, thiết bị cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng, hộp thuốc sơ cấp cứu trên toa xe đường sắt đô thị theo quy định.*** | Đề xuất bổ sung nội dung này cho đầy đủ hành vi vi phạm về đường sắt đô thị và phù hợp với Điều 7 Thông tư số 20/2018/TT-BGTVT ngày 26/4/2018 của Bộ GTVT |
| c) Không thông báo bằng phương tiện thông tin khác cho hành khách về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố trên tàu khách theo quy định. | ***d)*** Không thông báo bằng phương tiện thông tin khác cho hành khách về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố trên tàu khách theo quy định. | Sửa lại tên khoản cho phù hợp |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đưa toa xe ra chở khách mà không có đủ các thiết bị hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định. | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đưa toa xe ra chở khách mà không có đủ các thiết bị hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng không có đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen), thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu (đối với loại phương tiện được quy định phải có các thiết bị này) hoặc có các thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; | a) Đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng không có đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen), thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu (đối với loại phương tiện được quy định phải có các thiết bị này) hoặc có các thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; |  |
| b) Không có thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu tại vị trí làm việc của trưởng tàu theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định. | b) Không có thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu tại vị trí làm việc của trưởng tàu theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định. |  |
| 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải bổ sung thiết bị, dụng cụ và vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ chèn tàu, tín hiệu cầm tay trên tàu hàng; | 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này buộc phải bổ sung thiết bị, dụng cụ và vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ chèn tàu, tín hiệu cầm tay trên tàu hàng; | Giữ nguyên |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải bổ sung dụng cụ thoát hiểm, thiết bị, dụng cụ và vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ chèn tàu, dụng cụ và vật liệu để sửa chữa đơn giản, tín hiệu cầm tay trên tàu khách; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải bổ sung dụng cụ thoát hiểm, thiết bị, dụng cụ và vật liệu chữa cháy, thuốc sơ, cấp cứu, dụng cụ chèn tàu, dụng cụ và vật liệu để sửa chữa đơn giản, tín hiệu cầm tay trên tàu khách; |  |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này buộc phải lắp đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen), thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu trên đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng; | c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này buộc phải lắp đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen), thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu trên đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng; |  |
| d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này buộc phải lắp thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu tại vị trí làm việc của trưởng tàu theo quy định. | d) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này buộc phải lắp thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu tại vị trí làm việc của trưởng tàu theo quy định. |  |
| **Mục 4**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐƯỜNG SẮT** | **Mục 4**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐƯỜNG SẮT** |  |
| **Điều 58. Xử phạt nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu vi phạm quy định về Giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn** | **Điều 58. Xử phạt nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu vi phạm quy định về Giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn** |  |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái tàu thực hiện hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường sắt mà không mang theo Giấy phép lái tàu hoặc sử dụng Giấy phép lái tàu quá hạn hoặc Giấy phép lái tàu không phù hợp với phương tiện điều khiển. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái tàu thực hiện hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường sắt mà không***có***~~mang theo~~ Giấy phép lái tàu hoặc sử dụng Giấy phép lái tàu quá hạn hoặc Giấy phép lái tàu không phù hợp với phương tiện điều khiển. | Đề xuất thay thế cụm từ "mang theo” bằng từ "có” để phù hợp với quy định tại Điều 6 Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT |
| 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả hoặc không có Giấy phép lái tàu. | 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối vớihành vi sử dụng bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả hoặc không có Giấy phép lái tàu. | Giữ nguyên |
| 3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả. | 3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả. | Giữ nguyên |
| **Điều 59. Xử phạt nhân viên điều độ chạy tàu; trưởng tàu; trực ban chạy tàu ga; trưởng dồn; nhân viên gác ghi; nhân viên ghép nối đầu máy toa xe; nhân viên tuần đường, cầu, hầm; nhân viên gác hầm, đường ngang, cầu chung; nhân viên kiểm tu theo tàu; nhân viên khách vận; nhân viên khám xe, thợ điện trên tàu vi phạm quy định về nồng độ cồn hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng** | **Điều 59. Xử phạt nhân viên điều độ chạy tàu*tuyến, điều độ chạy tàu ga*; trưởng tàu; trực ban chạy tàu ga; trưởng dồn; nhân viên gác ghi; nhân viên ghép nối đầu máy toa xe; nhân viên tuần đường, cầu, hầm; nhân viên gác hầm, đường ngang, cầu chung; ~~nhân viên kiểm tu theo tàu; nhân viên khách vận; nhân viên khám xe, thợ điện trên tàu~~ vi phạm quy định về nồng độ cồn hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng** | Bổ sung nhân viên ***điều độ chạy tàu tuyến, điều độ chạy tàu ga*** vì nhân viên này đã quy định trong Điều 9 Luật ĐS 2017  Bỏ nhân viên ***kiểm tu theo tàu; nhân viên khách vận; nhân viên khám xe, thợ điện trên tàu*** vì trong Điều 9 Luật ĐS 2017 không quy định các nhân viên này. |
| 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khi lên ban mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này. | ~~1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khi lên ban mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.~~ | Đề xuất bỏ khoản này.  Lý do: Nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu liên quan trực tiếp đến an toàn chạy tàu, an toàn cho hành khách, hàng hóa. Quy định như trong Luật Đường sắt 2005 vẫn cho phép nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu có nồng độ cồn trong máu và hơi thở. Đây là một trong những nguyên nhân dễ xảy ra mất an toàn chạy tàu, an toàn cho hành khách và hàng hóa.  - Trong Luật giao thông Đường bộ 2008 (tại khoản 8, Điều 8) đã nghiêm cấm người điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.  - Thực tế hiện nay ở các cơ quan nhà nước cũng nghiêm cấm sử dụng rượu bia khi thực hiện nhiệm vụ.  - Phù hợp với khoản 17 Luật Đường sắt 2017. |
| 2. Phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Sửa tên khoản cho phù hợp |
| a) Khi lên ban mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; | a) Khi ~~lên ban~~***làm nhiệm vụ***mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn ~~vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;~~ | Đề xuất thay cụm từ “lên ban” bằng cụm từ “khi làm nhiệm vụ” và bỏ cụm từ “vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở”. Lý do:  - Phù hợp với khoản 17 Điều 9 Luật Đường sắt 2017. |
| b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ; | b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ; | Giữ nguyên |
| c) Sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng. | c) Sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng. | Giữ nguyên |
| **Điều 60. Xử phạt nhân viên đường sắt vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt** | **Điều 60. Xử phạt nhân viên đường sắt vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt** |  |
| 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với nhân viên đường sắt có liên quan đến công tác chạy tàu, công tác phục vụ hành khách khi làm nhiệm vụ mà không mặc đồng phục, không đeo phù hiệu, cấp hiệu, biển chức danh theo đúng quy định. | 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với nhân viên đường sắt có liên quan đến công tác chạy tàu, công tác phục vụ hành khách khi làm nhiệm vụ mà không mặc đồng phục, không đeo phù hiệu, cấp hiệu, biển chức danh theo đúng quy định. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Trưởng tàu để người đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đu bám ngoài thành toa xe, đầu máy, chỗ nối hai đầu toa xe; | a) Trưởng tàu để người đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đu bám ngoài thành toa xe, đầu máy, chỗ nối hai đầu toa xe; | Giữ nguyên |
| b) Trưởng tàu hoặc lái tàu phụ trách đoàn tàu để người đi trên tàu hàng trái quy định; | b) Trưởng tàu hoặc lái tàu phụ trách đoàn tàu để người đi trên tàu hàng trái quy định; | Giữ nguyên |
| c) Nhân viên phục vụ hành khách trên tàu để người bán hàng rong trên tàu, để người không có vé đi tàu, để người lên, xuống tàu khi tàu đang chạy; | c) ***Trưởng tàu***, nhân viên phục vụ hành khách trên tàu để người bán hàng rong trên tàu, để người không có vé đi tàu, để người lên, xuống tàu khi tàu đang chạy; | Đề xuất bổ sung thêm trưởng tàu vì trưởng tàu là người chỉ huy cao nhất trên đoàn tàu. Đồng thời phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT. |
| d) Nhân viên tuần đường, tuần cầu, tuần hầm không kiểm tra, phát hiện kịp thời những hư hỏng của hầm, cầu, đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc đã phát hiện mà không có biện pháp xử lý theo thẩm quyền, không báo cáo người có thẩm quyền giải quyết; | d) Nhân viên tuần đường, tuần cầu, tuần hầm không kiểm tra, phát hiện kịp thời những hư hỏng của hầm, cầu, đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc đã phát hiện mà không có biện pháp xử lý theo thẩm quyền, không báo cáo người có thẩm quyền giải quyết; | Giữ nguyên |
| đ) Nhân viên đường sắt không tuân thủ quy trình tác nghiệp kỹ thuật gây chậm tàu. | đ) Nhân viên đường sắt không tuân thủ quy trình tác nghiệp kỹ thuật ~~gây chậm tàu~~. | Đề xuất bỏ cụm từ ”gây chậm tàu”. Lý do: trong thực tế có nhiều trường hợp nhân viên đường sắt không tuân thủ quy trình tác nghiệp kỹ thuật nhưng không gây chậm tàu. Vì không đủ căn cứ nên không xử phạt được đối với hành vi vi phạm này. Do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung quy định này cho phù hợp với thực tế. |
|  | ***e) Nhân viên điều độ chạy tàu ga, trực ban chạy tàu ga, gác ghi, gác đường ngang, gác cầu chung ngủ gật và không có mặt tại nơi làm việc khi lên ban;*** | Đề nghị bổ sung quy định này vì trong thực tế qua quá trình kiểm tra của lực lượng chức năng đã phát hiện một số hành vi vi phạm nhân viên gác đường ngang, trực ban chạy tàu, điều độ chạy tàu ga ngủ gật hoặc không có mặt tại nơi làm việc khi lên ban. Tuy nhiên, lực lượng chức năng gặp khó khăn trong công tác xử lý vì không có chế tài xử phạt hành vi vi phạm này. |
|  | ***e) Nhân viên tuần đường đi ngoài phạm vi đường sắt hoặc sử dụng phương tiện giao thông đường bộ khi tuần đường.*** | Để nghị bổ sung nội dung này để phù hợp với Điều 62 bảo trì công trình đường sắt tại quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt ban hành kèm theo quyết định số 2320/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015. |
|  | ***g) Nhân viên tuần hầm, tuần cầu không kiểm tra trạng thái cầu, hầm trước và sau khi tàu chạy qua; không có mặt trên cầu để làm nhiệm vụ theo quy định*** | Để nghị bổ sung nội dung này để phù hợp với Điều 47 bảo trì cầu cống và hành lang an toàn ban tại quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt ban hành kèm theo quyết định số 2320/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015. |
|  | ***h) Đặt pháo ở những vị trí cấm đặt pháo.*** | Đề xuất bổ sung thêm điểm e để phù hợp với quy định tại mục 3.3.2.1 QCVN 06:2018/BGTVT |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này mà xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. | 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này mà xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. | Giữ nguyên |
| 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải hướng dẫn người vi phạm về vị trí quy định. | 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải hướng dẫn người vi phạm về vị trí quy định. | Giữ nguyên |
| **Điều 61. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chở quá số người, quá tải trọng trên phương tiện giao thông đường sắt** | **Điều 61. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chở quá số người, quá tải trọng trên phương tiện giao thông đường sắt** | Đề xuất tách thành 02 Điều 61a và 61b |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi bán vé vượt quá số chỗ được phép chở của toa xe tính trên mỗi hành khách bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi bán vé vượt quá số chỗ được phép chở của toa xe tính trên mỗi hành khách bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép. |  |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 10% đến 40%. | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 10% đến 40%. |  |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 40% đến 100%. | 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 40% đến 100%. |  |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 100%. | 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 100%. |  |
| 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe; | 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe; |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này buộc phải đưa xuống khỏi toa xe số hàng hóa chở quá tải trọng. | b) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này buộc phải đưa xuống khỏi toa xe số hàng hóa chở quá tải trọng. |  |
|  | **Điều 61a. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chở quá số người trên phương tiện giao thông đường sắt** | Đề xuất tách Điều 61 thành 02 Điều 61a và 61b cho phù họp với khoản 3 Điều 32 Thông tư số 09/2018/TT-BGTVT |
|  | ***1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hành khách vượt quá trọng cho phép của toa xe hoặc vượt quá tải trọng của cầu đường tính trên mỗi toa xe bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng.*** |  |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi bán vé vượt quá số chỗ được phép chở của toa xe tính trên mỗi hành khách bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép. | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi bán vé vượt quá số chỗ được phép chở của toa xe tính trên mỗi hành khách bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng***trừ các dịp cao điểm lễ, tết hè.*** |  |
|  | ***3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện việc công bố công khai phương án bán ghế phụ,chuyển đổi giường nằm thành ghế ngồi trước khi bán vé cho hành khách.*** |  |
|  | ***5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định.*** |  |
|  | ***Điều 61b. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chở quá tải trọng trên phương tiện giao thông đường sắt, vượt quá tải trọng cầu đường.*** |  |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 10% đến 40%. | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe***hoặc vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường***trên 10% đến 40%. | Đề sửa đổi để phù hợp với Thông tư số 27/2018/TT-BGTVT |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 40% đến 100%. | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe***hoặc vượt quá tải trọng của cho phép cầu, đường***trên 40% đến 100%. |  |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 100%. | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe***hoặc vượt quá tải trọng của cho phép cầu, đường***trên 100%. |  |
| 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe; |  |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này buộc phải đưa xuống khỏi toa xe số hàng hóa chở quá tải trọng. | ***4. Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này buộc phải đưa xuống khỏi toa xe số hàng hóa chở quá tải trọng theo quy định.*** |  |
| **Điều 62. Xử phạt đối với lái tàu, phụ lái tàu** | **Điều 62. Xử phạt đối với lái tàu, phụ lái tàu** |  |
| 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phụ lái tàu không thực hiện đúng chế độ hô đáp, không giám sát tốc độ chạy tàu, không quan sát tín hiệu, biển báo, biển hiệu để báo cho lái tàu theo quy định. | 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phụ lái tàu không thực hiện đúng chế độ hô đáp, không giám sát tốc độ chạy tàu, không quan sát tín hiệu, biển báo, biển hiệu để báo cho lái tàu theo quy định. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Rời vị trí lái máy khi đầu máy đang hoạt động; | a) Rời vị trí lái máy khi đầu máy đang hoạt động; | Giữ nguyên |
| b) Chở người không có trách nhiệm hoặc chở hàng hóa trên đầu máy; | b) Chở người không có trách nhiệm hoặc chở hàng hóa trên đầu máy; | Giữ nguyên |
| c) Làm mất tác dụng của thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu; | c) Làm mất tác dụng của thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu; | Giữ nguyên |
| d) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của tín hiệu, biển hiệu, của người chỉ huy chạy tàu; | d) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của tín hiệu, biển hiệu, của người chỉ huy chạy tàu; | Giữ nguyên |
| đ) Không có hoặc có không đầy đủ cờ, đèn tín hiệu, pháo, chèn trên đầu máy khi lên ban theo quy định. | đ) Không có hoặc có không đầy đủ cờ, đèn tín hiệu, pháo, chèn trên đầu máy khi lên ban theo quy định. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Dừng tàu không đúng quy định mà không có lý do chính đáng; | a) Dừng tàu không đúng quy định mà không có lý do chính đáng; |  |
| b) Điều khiển tàu chạy vượt quá tín hiệu ngừng; | b) Điều khiển tàu chạy vượt quá tín hiệu ngừng; |  |
| c) Điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến 10 km/h. | c) Điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến 10 km/h. |  |
| 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 10 km/h đến 20 km/h; | a) Điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 10 km/h đến 20 km/h; |  |
| b) Khi lên ban mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại Khoản 6, Điểm a Khoản 7 Điều này. | b) Khi ~~lên ban~~***làm nhiệm vụ***mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại Khoản 6, Điểm a Khoản 7 Điều này. |  |
| 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h. | 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h. | Giữ nguyên |
| 6. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khi lên ban mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. | 6. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khi lên ban mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. | Giữ nguyên |
| 7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Khi lên ban mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; | a) Khi ~~lên ban~~***làm nhiệm vụ***mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; | Đề xuất thay cụm từ “lên ban” bằng cụm từ “khi làm nhiệm vụ” cho phù hợp |
| b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ; | b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ; | Giữ nguyên |
| c) Sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng. | c) Sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng. | Giữ nguyên |
| 8. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng. | 8. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng. | Giữ nguyên |
| 9. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải đưa người, hàng hóa ra khỏi đầu máy. | 9. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải đưa người, hàng hóa ra khỏi đầu máy. | Giữ nguyên |
| **Điều 63. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu** | **Điều 63. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu** |  |
| Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng lao động thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: Sử dụng nhân viên không có bằng, chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy phép phù hợp, không đủ tiêu chuẩn với chức danh mà nhân viên đó đang đảm nhận; sử dụng nhân viên không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định. | 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng lao động thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
|  | ***a) Không tổ chức kiểm tra sức khỏe cho các nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp theo quy định;*** | Đề xuất bổ sung phù hợp với khoản 1 Điều 78 Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT |
|  | ***b) Không tổ chức kiểm tra, sát hạch nghiệp vụ định kỳ hằng năm đối với các nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu theo quy định;*** | Đề xuất bổ sung phù hợp với khoản 3 Điều 78 Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT |
|  | ***c) Sử dụng nhân viên không có bằng, chứng chỉ chuyên môn,Giấy phép lái tàu phù hợp theo quy định hoặc không đủ tiêu chuẩn với chức danh mà nhân viên đó đang đảm nhận; sử dụng nhân viên không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định;*** | Giữ nguyên nội dung cũ |
|  | ***d) Không cấp trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và biển chức danh cho nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu, lực lượng bảo vệ trên tàu theo quy định.*** | Cho phù hợp với khoản 2 Điều 19 Nghị định 75/2018/NĐ-CP và điểm c khoản 3 Điều 35 Luật Đường sắt. |
|  | ***2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm phải khắc phục hậu quả sau đây:***  ***a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu;***  ***b) Thực hiện hành vi vi phạm tại quy định tại điểm c khoản 1 Điều này không được tiếp tục sử dụng nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu.***  ***c) Thực hiện hành vi vi phạm tại điểm d khoản 1 Điều này phải trang cấp trang phục, sao hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và biển chức danh cho nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu, lực lượng bảo vệ trên tàu theo quy định*** |  |
| **Điều 64. Xử phạt cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu vi phạm quy định về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn** | **Điều 64. Xử phạt cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu vi phạm quy định về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn** | Giữ nguyên |
| 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu theo quy định; | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu theo quy định; |  |
| b) Không thực hiện đúng, đầy đủ quy chế tuyển sinh, nội dung, chương trình đào tạo, quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định. | b) Không thực hiện đúng, đầy đủ quy chế tuyển sinh, nội dung, chương trình đào tạo, quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định. |  |
| 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |  |
| 3. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ tuyển sinh từ 01 tháng đến 03 tháng. | 3. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ tuyển sinh từ 01 tháng đến 03 tháng. |  |
| 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thu hồi và tiêu hủy bằng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp trái phép. | 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thu hồi và tiêu hủy bằng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp trái phép. |  |
| **Điều 65. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xây dựng Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, niêm yết Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm đường sắt** | **Điều 65. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xây dựng Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, niêm yết Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với Trưởng ga, Trưởng trạm không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm theo quy định. | 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với ***tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng*** ~~Trưởng ga, Trưởng trạm~~ không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm theo quy định. | Đề xuất bỏ chức danh "Trưởng ga, trưởng trạm” để phù hợp với mục 2.3.3.1 QCVN 08:2018/BGTVT |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với Ga không thực hiện việc xây dựng Quy tắc quản lý kỹ thuật ga hoặc xây dựng nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với ***tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng*** ~~Ga~~ không thực hiện việc xây dựng Quy tắc quản lý kỹ thuật ga ~~hoặc xây dựng nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt~~. | Đề xuất bỏ chủ thể thực hiện là *"ga”* bằng *Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng*”để phù hợp với mục 2.3.3.1 QCVN 08:2018/BGTVT  Bỏ nội dung *" hoặc xây dựng nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Đây là trách nhiệm Doanh nghiệp phải thực hiện hoặc đang thực hiện |
|  | ***2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng không thực hiện việc xây dựng hoặc có xây dựng nhưng không đủ nội dung các mẫu sổ đăng ký phục vụ công tác chạy tàu và cấp cảnh báo.*** | Đề xuất bổ sung nội dung này cho phù hợp với điểm b mục 4.1 QCVN 08:2018/BGTVT |
|  | ***3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng không thực hiện việc xây dựng hoặc có xây dựng nhưng không đủ Quy trình chạy tàu và công tác dồn đường sắt theo quy định.*** | Đề xuất bổ sung nội dung này cho phù hợp với điểm a mục 4.1 QCVN 08:2018/BGTVT |
| **Mục 5**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH ĐƯỜNG SẮT** | **Mục 5**  **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH ĐƯỜNG SẮT** |  |
| **Điều 66. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt** | **Điều 66. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa tại ga, bãi hàng đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh lưu kho, bảo quản hàng hóa tại ga đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi phương tiện giao thông; doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với ~~doanh nghiệp kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa tại ga, bãi hàng đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh lưu kho, bảo quản hàng hóa tại ga đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi phương tiện giao thông;~~ doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, ***doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị*** thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Đề xuất bỏ cụm từ “doanh nghiệp kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa tại ga, bãi hàng đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh lưu kho, bảo quản hàng hóa tại ga đường sắt; doanh nghiệp kinh doanh sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi phương tiện giao thông;” và bổ sung cụm từ “doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị”.  Lý do: Theo quy định tại Điều 49 Luật Đường sắt 2017 thì kinh doanh đường sắt bao gồm: kinh doanh vận tải đường sắt; kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh đường sắt đô thị và là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. |
| a) Doanh nghiệp kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định; sử dụng người điều khiển thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định; | ~~a) Doanh nghiệp kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa sử dụng thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định; sử dụng người điều khiển thiết bị xếp, dỡ hàng hóa không có giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định;~~ | Đề xuất bỏ khoản này vì theo quy định tại Điều 49 Luật Đường sắt 2017 chỉ có kinh doanh vận tải đường sắt; kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh đường sắt đô thị là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. |
| b) Doanh nghiệp kinh doanh lưu kho, bảo quản hàng hóa không bảo đảm quy định về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; sử dụng kho, bãi không đủ tiêu chuẩn theo quy định; | ~~b) Doanh nghiệp kinh doanh lưu kho, bảo quản hàng hóa không bảo đảm quy định về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; sử dụng kho, bãi không đủ tiêu chuẩn theo quy định;~~ | Đề xuất bỏ khoản này vì theo quy định tại Điều 49 Luật Đường sắt 2017 chỉ có kinh doanh vận tải đường sắt; kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh đường sắt đô thị là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. |
| c) Doanh nghiệp kinh doanh sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi phương tiện giao thông không có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng; không có cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành cơ khí về phương tiện giao thông đường sắt theo quy định; không có phương án phòng cháy, chữa cháy và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định; | ~~c) Doanh nghiệp kinh doanh sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi phương tiện giao thông không có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng; không có cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học chuyên ngành cơ khí về phương tiện giao thông đường sắt theo quy định; không có phương án phòng cháy, chữa cháy và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định;~~ | Đề xuất bỏ khoản này vì theo quy định tại Điều 49 Luật Đường sắt 2017 chỉ có kinh doanh vận tải đường sắt; kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh đường sắt đô thị là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. |
| d) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không có chứng chỉ an toàn, sử dụng chứng chỉ an toàn giả hoặc chứng chỉ an toàn đã hết hạn sử dụng; | ~~d) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không có chứng chỉ an toàn, sử dụng chứng chỉ an toàn giả hoặc chứng chỉ an toàn đã hết hạn sử dụng;~~ | Đề xuất bỏ khoản này vì Luật Đường sắt 2017 không quy định nội dung cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt. |
| đ) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không có hợp đồng bảo hiểm theo quy định (đối với doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hành khách và kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm bằng đường sắt); sử dụng người được giao trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật khai thác vận tải không có trình độ đại học về khai thác vận tải đường sắt hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm về khai thác vận tải; | ***1.Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt:***  ***a) Không có bộ phận phụ trách công tác an toàn vận tải đường sắt;***  ***b) Không sử dụng hoặc sử dụng người phụ trách công tác an toàn không có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp về quản lý, khai thác vận tải đường sắt;***  ***c)*** Sử dụng người được giao trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật khai thác vận tải không có trình độ đại học về khai thác vận tải đường sắt hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm về khai thác vận tải ***đường sắt***. | Đề xuất bỏ nội dung “Không có hợp đồng bảo hiểm theo quy định (đối với doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hành khách và kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm bằng đường sắt)” và bổ sung nội dung “không sử dụng hoặc sử dụng người phụ trách công tác an toàn không có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp về quản lý, khai thác vận tải đường sắt”.  Lý do: cho phù hợp với Điều 21 Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018. |
| e) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt sử dụng người được giao trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt không có trình độ đại học chuyên ngành theo quy định hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm về khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt. | ***2.Đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt:***~~sử dụng người được giao trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt không có trình độ đại học chuyên ngành theo quy định hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm về khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.~~  ***a) Không có bộ phận phụ trách công tác an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt;***  ***b) Sử dụng người phụ trách bộ phận an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt không có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành xây dựng công trình đường sắt hoặc có nhưng chưa đủ03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;***  ***c) Không sử dụng hoặc sử dụng người quản lý doanh nghiệp không có trình độ đại học trở lên hoặc chưa đủ 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.*** | Đề xuất bỏ cụm từ “sử dụng người được giao trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường sắt không có trình độ đại học chuyên ngành theo quy định hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm về khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.” và bổ sung nội dung “không có bộ phận phụ trách công tác an toàn; sử dụng người phụ trách bộ phận an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt không có trình độ đại học về chuyên ngành xây dựng công trình đường sắt hoặc có nhưng chưa đủ 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; không sử dụng hoặc sử dụng người quản lý doanh nghiệp không có trình độ đại học hoặc chưa đủ 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.”  Lý do: cho phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018. |
|  | ***3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị:***  ***a) Không có bộ phận phụ trách công tác an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt, công tác an toàn vận tải đường sắt;***  ***b) Thực hiện các hành vi quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này;***  ***c) Không sử dụng hoặc sử dụng không đủ hoặc sử dụng người quản lý, điều hành doanh nghiệp không có trình độ đại học trở lên hoặc chưa đủ 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc khai thác vận tải đường sắt hoặc quản lý, vận dụng, sửa chữa đầu máy, toa xe.***  ***c) Không sử dụng hoặc sử dụng người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, quản lý khai thác vận tải đường sắt, quản lý đầu máy, toa xe không có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành: xây dựng công trình đường sắt, khai thác vận tải đường sắt hoặc kinh tế - vận tải đường sắt,đầu máy, toa xe, có bằng hoặc chứng chỉ đào tạo chuyển giao công nghệ về***  ***quản lý, khai thác: kết cấu hạ tầng đường sắt của tuyến đường sắt đô thị, vận tải của tuyến đường sắt đô thị, đầu máy, toa xe đường sắt đô thị được giao quản lý đối với tuyến đường sắt đô thị lần đầu tiên đưa vào khai thác theo quy định của pháp luật.*** | Đề xuất bổ sung nội dung này cho phù hợp với Điều 22 Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt đô thị. |
| 2. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu chứng chỉ an toàn giả, chứng chỉ an toàn đã hết hạn sử dụng. | ~~2. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu chứng chỉ an toàn giả, chứng chỉ an toàn đã hết hạn sử dụng.~~ | Đề xuất bỏ khoản này vì Luật Đường sắt 2017 không quy định nội dung cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt. |
|  |  |  |
| **Điều 67. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải đường sắt** | **Điều 67. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với doanh nghiệp trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với doanh nghiệp trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Vận chuyển tử thi, hài cốt trái quy định; | a) Vận chuyển ~~tử thi~~***thi hài,*** hài cốt trái quy định; | Đề nghị thay cụm từ “thi hài” bằng cụm từ “hài cốt”. Lý do: cho phù hợp với khoản 1 Điều 64 Luật Đường sắt 2017 |
| b) Vận chuyển động vật sống không đúng quy định; | b) Vận chuyển động vật sống không đúng quy định; | Giữ nguyên |
| c) Không thực hiện việc niêm yết hoặc niêm yết không đúng quy định về: Giờ tàu, giá vé, giá cước, các loại chi phí khác, kế hoạch bán vé, danh mục hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu khách, các quy định của doanh nghiệp về trách nhiệm phục vụ hành khách; | c) Không thực hiện việc niêm yết, ***công bố, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp*** hoặc niêm yết không đúng quy định về: Giờ tàu, ~~giá vé, giá cước~~ ***giá vận tải hành khách, giá vận tải hành lý, giá vận tải hàng hóa***, các loại chi phí khác, kế hoạch bán vé, danh mục hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu khách, các quy định của doanh nghiệp về trách nhiệm phục vụ hành khách. | Đề nghị bổ sung nội dung “công bố, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp” và thay cụm từ “giá vé, giá cước” bằng cụm từ "giá vận tải hành khách, giá vận tải hành lý, giá vận tải hàng hóa”.  Lý do: Cho phù hợp với Điều 56 Luật Đường sắt 2017; Điều 33 Thông tư 09/2018/TT-BGTVT; khoản 3 Điều 5 Thông tư 22/2018/TT-BGTVT |
| d) Không thực hiện việc thông báo số chỗ còn lại cho hành khách đối với các tàu bán vé bằng hệ thống điện tử theo quy định. | d) Không thực hiện việc thông báo số chỗ còn lại cho hành khách đối với các tàu bán vé bằng hệ thống điện tử theo quy định. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện việc miễn, giảm giá vé hoặc thực hiện miễn, giảm giá vé không đúng quy định. | 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện việc miễn, giảm giá vé hoặc thực hiện miễn, giảm giá vé không đúng quy định. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Không thực hiện các nhiệm vụ vận tải đặc biệt theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; | a) Không thực hiện các nhiệm vụ vận tải đặc biệt, ***an sinh xã hội*** theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; | Đề xuất bổ sung cụm từ “an sinh xã hội”. Lý do: cho phù hợp với Điều 58 Luật Đường sắt 2017 |
| b) Không thực hiện đúng quy định về vận tải hàng siêu trường, siêu trọng; | b) Không thực hiện đúng quy định về vận tải hàng siêu trường, siêu trọng; | Giữ nguyên |
| c) Không thực hiện đúng các quy định về xếp, dỡ, vận chuyển hàngnguy hiểm; | c) Không thực hiện đúng các quy định về xếp, dỡ, vận chuyển hàngnguy hiểm; | Giữ nguyên |
|  | ***d) Vận tải hàng nguy hiểm mà chưa được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền*** | Đề xuất bổ sung nội dung này để phù hợp với khoản 1 Điều 37 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP |
| d) Không bảo đảm các điều kiện sinh hoạt tối thiểu của hành khách trong trường hợp vận tải bị gián đoạn do tai nạn giao thông hoặc thiên tai, địch họa; | d) Không bảo đảm các điều kiện sinh hoạt tối thiểu của hành khách trong trường hợp vận tải bị gián đoạn do tai nạn giao thông hoặc thiên tai, địch họa; | Giữ nguyên |
| đ) Không thực hiện đúng quy định về xếp hàng và gia cố hàng trên toa xe. | đ) Không thực hiện đúng quy định về xếp hàng và gia cố hàng trên toa xe. | Giữ nguyên |
| 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải đưa tử thi, hài cốt, động vật sống xuống tàu tại ga gần nhất để xử lý theo quy định; | a) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này buộc phải đưa ~~tử thi~~***thi hài,*** hài cốt, động vật sống xuống tàu tại ga gần nhất để xử lý theo quy định; | Đề nghị thay cụm từ “thi hài” bằng cụm từ “ hài cốt”. Lý do: cho phù hợp với khoản 1 Điều 64 Luật Đường sắt 2017 |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này buộc phải thực hiện ngay nhiệm vụ vận tải đặc biệt theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này buộc phải thực hiện ngay nhiệm vụ vận tải đặc biệt,***an sinh xã hội***theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; | Đề xuất bổ sung cụm từ “an sinh xã hội”. Lý do: cho phù hợp với Điều 58 Luật Đường sắt 2017 |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm đ Khoản 3 Điều này buộc phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định. | c) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm đ Khoản 3 Điều này buộc phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định. | Giữ nguyên |
| **Điều 68. Xử phạt các hành vi vi phạm về sử dụng vé tàu giả và bán vé tàu trái quy định** | **Điều 68. Xử phạt các hành vi vi phạm về sử dụng vé tàu giả và bán vé tàu trái quy định** |  |
| 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi sử dụng vé tàu giả để đi tàu. | 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi sử dụng vé tàu giả để đi tàu. | Giữ nguyên |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Nhân viên bán vé của nhà ga, nhân viên bán vé của đại lý bán vé tàu, nhân viên bán vé trên tàu bán vé tàu trái quy định; | a) Nhân viên bán vé của nhà ga, nhân viên bán vé của đại lý bán vé tàu, nhân viên bán vé trên tàu bán vé tàu trái quy định; | Giữ nguyên |
| b) Mua, bán vé tàu nhằm mục đích thu lợi bất chính. | b) Mua, bán vé tàu nhằm mục đích thu lợi bất chính. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
|  | ***a) Làm vé tàu giả*** | Đề xuất bổ sung nội dung “làm vé tàu giả”. Lý do: cho phù hợp với khoản 13 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
| a) Vận chuyển vé tàu giả; | ***b)*** Vận chuyển vé tàu giả; | Sửa tên khoản cho phù hợp |
| b) Bán vé tàu giả; | ***~~c)~~*** ~~Bán vé tàu giả;~~ | Đề xuất đưa ra khỏi nghị định. Nội dung này đã được điều chỉnh bởi Điều 202 Bộ Luật hình sự 2015 |
| c) Tàng trữ vé tàu giả. | ***d)*** Tàng trữ vé tàu giả. |  |
| 4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: | 4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: | Giữ nguyên |
| a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này bị tịch thu vé tàu giả; | a) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này bị tịch thu vé tàu giả; |  |
| b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này bị tịch thu toàn bộ số vé tàu hiện có; | b) Thực hiện hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này bị tịch thu toàn bộ số vé tàu hiện có; |  |
| c) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này bị tịch thu toàn bộ vé tàu giả. | c) Thực hiện hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này bị tịch thu toàn bộ vé tàu giả. |  |
| 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính. | 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, ***Điểm c***Khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính. | Giữ nguyên |
| **Mục 6**  **VI PHẠM KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** | **Mục 6**  **VI PHẠM KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT** |  |
| **Điều 69. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định khác có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt** | **Điều 69. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định khác có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt** |  |
| 1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành  vi vi phạm sau đây: | 1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành  vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Bán hàng rong trên tàu, dưới ga; | a) Bán hàng rong trên tàu, dưới ga; | Giữ nguyên |
| b) Không chấp hành nội quy đi tàu; | b) Không chấp hành nội quy đi tàu; | Giữ nguyên |
| c) Ném đất, đá hoặc các vật khác từ trên tàu xuống khi tàu đang chạy. | c) Ném đất, đá hoặc các vật khác từ trên tàu xuống ~~khi tàu đang chạy~~. | Đề xuất bỏ cụm từ “khi tàu đang chạy”. Lý do: cho đầy đủ vì cần phải cấm các hành vi ném đất, đá hoặc các vật khác từ trên tàu xuống khi tàu đang dừng, đỗ và phù hợp với khoản 10 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
| 2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: | 2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: |  |
| a) Gây mất trật tự, an toàn trên tàu, dưới ga; | a) Gây mất trật tự, an toàn trên tàu, dưới ga; | Giữ nguyên |
| b) Đe dọa, xâm phạm sức khỏe, tài sản của hành khách và nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ; | b) Đe dọa, xâm phạm sức khỏe, tài sản của hành khách và nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ; | Giữ nguyên |
| c) Mang theo động vật có dịch bệnh vào ga, lên tàu; | c) Mang theo động vật có dịch bệnh vào ga, lên tàu; | Giữ nguyên |
| d) Mang tử thi, hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm vào ga, lên tàu trái quy định; | d) Mang ~~tử thi~~***thi hài,*** hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm vào ga, lên tàu trái quy định; | Đề nghị thay cụm từ “thi hài” bằng cụm từ “hài cốt”. Lý do: cho phù hợp với khoản 1 Điều 64 Luật Đường sắt 2017 |
| đ) Mang theo động vật sống lên tàu trái quy định. | đ) Mang theo động vật sống lên tàu trái quy định. | Giữ nguyên |
| 3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu khi tàu đang chạy. | 3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu ~~khi tàu đang chạy~~. | Đề xuất bỏ cụm từ “khi tàu đang chạy”. Lý do: cho đầy đủ vì cần phải cấm các hành vi ném đất, đá hoặc các vật khác từ trên tàu xuống khi tàu đang dừng, đỗ và phù hợp với khoản 10 Điều 9 Luật Đường sắt 2017 |
| 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Ðiểm c, Ðiểm d, Điểm đ Khoản 2 Ðiều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đưa động vật có dịch bệnh, tử thi, hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, động vật sống xuống tàu, ra ga để xử lý theo quy định. | 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Ðiểm c, Ðiểm d, Điểm đ Khoản 2 Ðiều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đưa động vật có dịch bệnh, ~~tử thi~~***thi hài,***hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, động vật sống xuống tàu, ra ga để xử lý theo quy định. | Đề nghị thay cụm từ “thi hài” bằng cụm từ “hài cốt”. Lý do: cho phù hợp với khoản 1 Điều 64 Luật Đường sắt 2017 |
|  |  |  |
| **Chương IV**  **THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT** |  |  |
| **Mục 1**  **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT** |  |  |
| **Điều 70. Phân định thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt** |  |  |
| 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình. |  |  |
| 2. Cảnh sát giao thông có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm được quy định trong Nghị định này như sau:  a) Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ của người và phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực đường sắt được quy định tại Nghị định này; |  |  |
| b) Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5 Điều 15 Nghị định này. |  |  |
| 3. Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có liên quan đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:  a) Điểm đ, Điểm i Khoản 1; Điểm g, Điểm h Khoản 2; Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm k Khoản 3; Điểm a, Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm g, Điểm i Khoản 4; Điểm b Khoản 5; Điểm a, Điểm d Khoản 6; Điểm b, Điểm d Khoản 8; Khoản 9; Khoản 10; Khoản 11 Điều 5;  b) Điểm e Khoản 2; Điểm a, Điểm đ, Điểm e, Điểm h, Điểm i, Điểm k, Điểm l, Điểm o Khoản 3; Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm g, Điểm i, Điểm k, Điểm m Khoản 4; Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 5; Khoản 6; Điểm a Khoản 7; Điểm b, Điểm c Khoản 8; Khoản 9; Khoản 10; Khoản 11 Điều 6;  c) Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g, Điểm h, Điểm i Khoản 2; Điểm b, Điểm d Khoản 3; Điểm c, Điểm đ, Điểm e, Điểm h, Điểm i Khoản 4; Khoản 5; Điểm a Khoản 6; Khoản 7; Khoản 8 Điều 7;  d) Điểm c, Điểm đ, Điểm e, Điểm g Khoản 1; Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4; Khoản 5 Điều 8;  đ) Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12;  e) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5 Điều 15;  g) Điều 18, Điều 20;  h) Điểm b Khoản 3; Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm đ, Điểm e, Điểm k Khoản 5; Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 6; Khoản 7 Điều 23;  i) Điều 26, Điều 29;  k) Khoản 4, Khoản 5 Điều 31; Điều 32, Điều 34;  l) Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 68, Điều 69. |  |  |
| 4. Trưởng Công an cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có liên quan đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:  a) Điểm đ, Điểm i Khoản 1; Điểm g, Điểm h Khoản 2; Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm k Khoản 3; Điểm a, Điểm d, Điểm đ, Điểm i Khoản 4 Điều 5;  b) Điểm e Khoản 2; Điểm a, Điểm đ, Điểm e, Điểm h, Điểm i, Điểm k, Điểm l, Điểm o Khoản 3; Điểm d, Điểm đ, Điểm g, Điểm k Khoản 4; Điểm d, Điểm e Khoản 5 Điều 6;  c) Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g, Điểm h, Điểm i Khoản 2; Điểm b, Điểm d Khoản 3; Điểm đ, Điểm h, Điểm i Khoản 4 Điều 7;  d) Điểm c, Điểm đ, Điểm e, Điểm g Khoản 1; Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4; Khoản 5 Điều 8;  đ) Điều 9, Điều 10;  e) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 11;  g) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 12;  h) Khoản 1, Khoản 2 Điều 15;  i) Điều 18; Khoản 1 Điều 20;  k) Điểm b Khoản 3 Điều 23;  l) Khoản 1 Điều 29;  m) Khoản 4 Điều 31; Điều 32; Khoản 1 Điều 34;  n) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điểm a Khoản 5, Khoản 6 Điều 46; Khoản 1 Điều 48; Khoản 1 Điều 49; Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 68; Điều 69. |  |  |
| 5. Thanh tra giao thông vận tải, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đường bộ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải tại các điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí, cơ sở kinh doanh vận tải đường bộ, khi phương tiện (có hành vi vi phạm) dừng, đỗ trên đường bộ; hành vi vi phạm quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình đường bộ, đào tạo sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới và một số hành vi vi phạm khác quy định tại các Điểm, Khoản, Điều của Nghị định này như sau:  a) Điểm đ Khoản 1; Điểm g, Điểm h Khoản 2; Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 3; Điểm b, Điểm đ, Điểm g, Điểm i Khoản 4; Điểm b Khoản 5; Điểm a Khoản 6; Điểm c Khoản 7; Điểm b Khoản 8; Điểm a, Điểm b Khoản 9 Điều 5;  b) Điểm a, Điểm đ, Điểm h Khoản 3; Điểm d, Điểm m Khoản 4; Điểm e Khoản 5 Điều 6;  c) Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g, Điểm h, Điểm i Khoản 2; Điểm b Khoản 3; Điểm đ, Điểm e Khoản 4; Điểm b, Điểm c Khoản 5; Điểm d Khoản 6 Điều 7;  d) Điểm đ Khoản 1; Điểm a, Điểm b Khoản 2; Điểm b Khoản 3 Điều 8;  đ) Khoản 2; Điểm a Khoản 3; Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 11;  e) Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15;  g) Khoản 1; Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4; Điểm b, Điểm đ, Điểm e Khoản 5 Điều 16;  h) Điều 19, Điều 20;  i) Khoản 3; Điểm b, Điểm c Khoản 4; Khoản 6; Khoản 7 Điều 21;  k) Điều 22; Điều 23;  l) Khoản 1; Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4; Khoản 5; Khoản 6; Khoản 7; Khoản 8 Điều 24;  m) Điều 25, Điều 27, Điều 28;  n) Khoản 2; Khoản 3; Khoản 6; Điểm a, Điểm đ, Điểm g, Điểm h, Điểm i, Điểm k Khoản 7; Khoản 8; Khoản 9; Khoản 10; Khoản 11; Khoản 12; Khoản 13 Điều 30;  o) Điều 31, Điều 33, Điều 37, Điều 38;  p) Điểm b Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 46; Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 48 trong trường hợp vi phạm xảy ra tại khu vực đường ngang, cầu chung. |  |  |
| 6. Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đường sắt, hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1, Điểm l Khoản 2, Điểm e Khoản 4 Điều 28 của Nghị định này. |  |  |
| 7. Thanh tra giao thông vận tải, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đường sắt trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương III của Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 47, Khoản 4 Điều 48, Khoản 3 Điều 50, Khoản 3 Điều 53, Khoản 3 Điều 54, Khoản 3 Điều 60 của Nghị định này. |  |  |
| 8. Thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường được quy định tại các Điểm, Khoản, Điều của Nghị định này như sau:  a) Điểm c Khoản 1 Điều 10;  b) Điểm đ Khoản 2, Điểm a Khoản 5 Điều 12;  c) Điểm c Khoản 2 Điều 16; Điểm b Khoản 2 Điều 17;  d) Điểm d Khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điều 26;  đ) Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 49;  e) Điểm a Khoản 3 Điều 51. |  |  |
| **Điều 71. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp** |  |  |
| 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, đ và e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| **Điều 72. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân** |  |  |
| 1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 400.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt. |  |  |
| 2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.200.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt. |  |  |
| 3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a và c Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này. |  |  |
| 4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát phản ứng nhanh, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c, đ và e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c, đ và e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| **Điều 73. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa** |  |  |
| 1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 400.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a và c Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Đường sắt Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 28.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 52.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền, sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| 5. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ. |  |  |
| 6. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại Điểm b Khoản này;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, đ và e Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. |  |  |
| **Điều 74. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả** |  |  |
| 1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. |  |  |
| 2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những chức danh được quy định tại các Điều 71, 72 và 73 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân tương ứng với từng lĩnh vực. |  |  |
| 3. Đối với những hành vi vi phạm có quy định áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn thì trong các chức danh quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 71; Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 72; Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6 Điều 73 của Nghị định này, chức danh nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đó cũng có quyền xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề đối với người vi phạm. |  |  |
| **Điều 75. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính** |  |  |
| 1. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ bao gồm:  a) Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ được quy định tại các Điều 71, 72 và 73 của Nghị định này;  b) Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tuần kiểm có quyền lập biên bản đối với các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ;  c) Công an viên có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của địa phương;  d) Công chức thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi địa bàn quản lý của Thanh tra Sở Giao thông vận tải;  đ) Công chức, viên chức thuộc Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1, Điểm l Khoản 2, Điểm e Khoản 4 Điều 28 Nghị định này khi xảy ra trong phạm vi địa bàn quản lý của cảng vụ. |  |  |
| 2. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt bao gồm:  a) Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt được quy định tại các Điều 71, 72 và 73 của Nghị định này;  b) Trưởng tàu có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu;  c) Công an viên có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của địa phương. |  |  |
| **Mục 2**  **THỦ TỤC XỬ PHẠT** |  |  |
| **Điều 76. Thủ tục xử phạt đối với chủ phương tiện vi phạm quy định liên quan đến giao thông đường bộ** |  |  |
| **Điều 77. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt** |  |  |
| 1. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt được quy định bị tước quyền sử dụng có thời hạn gồm:  a) Giấy phép lái xe quốc gia; Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp);  b) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;  c) Giấy phép kinh doanh vận tải;  d) Phù hiệu, biển hiệu cấp cho xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải;  đ) Giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;  e) Giấy phép thi công;  g) Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;  h) Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới;  i) Chứng chỉ đăng kiểm viên;  k) Giấy phép lái tàu. |  |  |
| 2. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc thời hạn đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này là mức trung bình của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối thiểu của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối đa của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động. |  |  |
| 3. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt như sau:  a) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt đã tạm giữ được giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề là thời điểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;  b) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt chưa tạm giữ được giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với hành vi vi phạm. Trong nội dung quyết định xử phạt phải ghi rõ thời điểm bắt đầu tính hiệu lực thi hành của hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề là kể từ thời điểm mà người vi phạm xuất trình giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho người có thẩm quyền xử phạt tạm giữ;  c) Khi tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại Điểm b Khoản này và khi trả giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.  4. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề. |  |  |
| 5. Trường hợp người có hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề nhưng thời hạn sử dụng còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó ít hơn thời hạn bị tước thì người có thẩm quyền vẫn ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định đối với hành vi vi phạm. |  |  |
| 6. Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế  a) Thời hạn tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng không quá thời hạn cư trú còn lại tại Việt Nam của người bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế;  b) Người điều khiển phương tiện sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp có trách nhiệm xuất trình các giấy tờ chứng minh thời gian cư trú còn lại tại Việt Nam (chứng nhận tạm trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú) cho người có thẩm quyền xử phạt để làm cơ sở xác định thời hạn tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế. |  |  |
| **Điều 78. Tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm** |  |  |
| 1. Để ngăn chặn ngay vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được phép tạm giữ phương tiện đến 07 ngày trước khi ra quyết định xử phạt đối với những hành vi vi phạm được quy định tại các Điều, Khoản, Điểm sau đây của Nghị định này và phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính:  a) Điểm a Khoản 6; Điểm b, Điểm d Khoản 8; Khoản 9; Khoản 11 Điều 5;  b) Điểm b Khoản 5; Khoản 6; Điểm b, Điểm c Khoản 8; Khoản 9; Khoản 10; Khoản 11 Điều 6;  c) Điểm c Khoản 4; Điểm a Khoản 6; Khoản 7; Khoản 8 Điều 7;  d) Điểm d, Điểm đ Khoản 4 (trong trường hợp người vi phạm là người dưới 16 tuổi và điều khiển phương tiện); Khoản 5 Điều 8;  đ) Khoản 5 Điều 11;  e) Khoản 4; Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 5 Điều 16;  g) Khoản 3 Điều 17;  h) Điểm a, Điểm b, Điểm đ Khoản 1; Điểm c Khoản 2 Điều 19;  i) Khoản 1; Điểm a, Điểm c Khoản 4; Khoản 5; Khoản 6; Khoản 7 Điều 21;  k) Điểm b Khoản 6 Điều 33. |  |  |
| 2. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại Khoản 6, Khoản 8 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại Khoản 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ. |  |  |
| 3. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ. |  |  |
| **Điều 79. Sử dụng kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ do các tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt cung cấp làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt** |  |  |
| 1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Nghị định này được sử dụng kết quả thu được từ thiết bị cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới, máy đo tốc độ có ghi hình ảnh, thiết bị ghi âm và ghi hình, thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe do các tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt cung cấp làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. |  |  |
| 2. Phương tiện, thiết bị quy định tại Khoản 1 Điều này trước khi đưa vào sử dụng phải bảo đảm được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng và giữa hai kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. |  |  |
| 3. Việc sử dụng phương tiện, thiết bị quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo đúng nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính. |  |  |
| 4. Yêu cầu đối với người sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:  a) Là nhân viên của tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt;  b) Nắm vững chế độ quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ;  c) Được tập huấn về quy trình, thao tác sử dụng, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan;  d) Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn, giữ gìn, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ. |  |  |
| 5. Các Bộ trưởng: Công an, Giao thông vận tải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy định về quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ quy định tại Khoản 1 Điều này. |  |  |
| **Chương V**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |  |
| **Điều 80. Hiệu lực thi hành** |  |  |
| 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016. |  |  |
| 2. Nghị định này thay thế các Nghị định sau đây:  a) Nghị định số171/2013/NĐ-CP ngày 13 ngày 11 tháng 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;  b) Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17 ngày 11 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. |  |  |
| 3. Việc áp dụng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 30 Nghị định này để xử phạt cá nhân, tổ chức vi phạm được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. |  |  |
| 4. Việc áp dụng các quy định về tải trọng trục xe tại Điểm d Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 33 Nghị định này để xử phạt cá nhân, tổ chức vi phạm được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. |  |  |
| 5. Việc áp dụng quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 28 Nghị định này để xử phạt đối với cá nhân, tổ chức trong trường hợp sử dụng xe taxi chở hành khách không có thiết bị in hóa đơn theo quy định được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. |  |  |
| 6. Việc áp dụng quy định tại Điểm l Khoản 3 Điều 5 Nghị định này để xử phạt đối với người điều khiển xe ô tô vi phạm được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. |  |  |
| 7. Việc áp dụng quy định tại Điểm k, Điểm l Khoản 1 Điều 5 Nghị định này để xử phạt đối với người điều khiển, người được chở trên xe ô tô trong trường hợp người được chở ở hàng ghế phía sau trên xe ô tô không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. |  |  |
| **Điều 81. Điều khoản chuyển tiếp** |  |  |
| Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm. |  |  |
| **Điều 82. Trách nhiệm thi hành** |  |  |
| Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |  |